

Chương I

BỐI CẢNH LỊCH SỬ NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

1.1 TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ MIỀN NAM VIỆT NAM

Nói đến sự truyền bá Cao Đài giáo ra Trung Bắc Việt Nam mà không đề cập đến lịch sử của phần đất này thì thật là một sự thiếu sót, nhất là dưới chế độ thực dân Pháp, tuy cùng một lãnh thổ quốc gia, nhưng với chính sách chia để trị, người Pháp đã biến ba miền Nam Trung Bắc thành ba thể chế khác nhau khiến cho người miền Nam thường xem người Trung Bắc như thể là người lân bang. Và lịch sử đất nước Việt Nam từ non một thế kỷ qua quả là một diễn tuồng bi thảm nhất mà thiết tưởng lịch sử loài người chỉ chịu đựng đến đó mà thôi.

Nhưng dưới mắt nhà đạo học thì tất cả mọi diễn biến trên thế gian này đều có một nghĩa bao gồm trong luật Thiên điều mà không một sự kiện nào dù tế vi đến đâu có thể qua được. Người xưa gọi đó là: “*Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bát lậu!*”

Sở dĩ như thế vì căn cứ vào những giai đoạn đã xảy ra ngay trong lòng đất nước Việt Nam để thấy rằng lịch sử là một cuốn phim dễ thường được quay lại những màn bi hài kịch mà diễn viên vẫn là những tạo nhân đã gây nên những màn cảnh diễn xuất những tấn tuồng đó. Hay nói một cách khác, trên đất nước Việt Nam này, các nhà khảo cứu sẽ thấy rõ những điều kiện đạo lý được chứng

Đông Tân

minh một cách cụ thể mà đặc tính Á Đông trong Tam giáo quả là những thể hiện Chân lý Vũ trụ một cách phi thường!

Bởi trên một mảnh đất mà đạo lý đã ương mầm trong tâm tưởng của người dân nên sự xuất hiện của Cao Đài giáo tại đây không phải là một sự ngẫu nhiên mà phải nói là một sự đặt để chẳng khác gì một thứ cây được chọn trên một miếng đất thích nghi vậy!

Cứ xét lịch sử Việt Nam từ non bầy thế kỷ lại đây, ta thấy cả một cuộc thiên di vĩ đại từ mạn Bắc xuống phía Nam. Có thể kể từ khi Huyền Trân Công chúa làm vợ Chế Mân mùa hè năm 1307, biên giới Việt Nam đã trải đến cửa Đại Chiêm.^{1.1} Đến đời vua Lê Thánh Tông 1471, bờ cõi Việt Nam mở rộng đến Đèo Cù Mông mà địa danh Quảng Nam đã kéo dài từ Hải Vân cho đến biên giới này. Từ đó, Lê Thánh Tông đã dùng chính sách chia để trị, biến phần đất Chiêm Thành còn lại làm ba địa danh: Chiêm Thành, Hóa Anh và Nam Phan!

Đến năm 1611, đương thời Nguyễn Hoàng, vua Lê dẹp giặc Chiêm chiếm thêm phủ Phú Yên cho vào địa danh Quảng Nam.

Năm 1653, Chúa Hiền chiếm Ninh Hòa và Diên Khánh, cho đến 1693, dưới thời Nguyễn phúc Chu, nước Chiêm Thành bị Việt hóa sau khi bờ cõi nước Việt kéo dài đến Bình Thuận mà một viên quan Việt ngồi hàng thứ hai trong Hội đồng hoàng gia Chiêm!

Thế nên, từ Nguyễn Hiền trở về sau, vua chúa Việt còn mưu một cuộc Nam tiến qua khỏi bờ cõi nước Chiêm với chính sách "*đĩ Chiêm chế Chân*", điều mà Nguyễn cư Trinh gọi là "*tâm thực*" vào thế kỷ thứ 15.

Bởi thế, một Ngọc Hân Công chúa, công chúa thứ của Sãi Vương Nguyễn phúc Nguyên đã thành vợ của vua Chey Chetta II, hoàng thái tử của vua Srey Soripor, lên ngôi năm 1618. Từ đó bắt đầu cuộc di dân đến Bà Rịa (*Mã Xỹ*) vào năm 1623. Ấy thế, với thị trấn Mỹ Tho^{1.2} rồi với sự dâng hiến phần đất Hà Tiên, từ giòng họ Mạc Cửu năm 1708, nước Việt Nam có được một bờ cõi trải dài về phía Nam như ngày nay, nào phải là một sự tự nhiên không do khối óc và tâm trường cùng bao xương máu của người Việt Nam đánh đổi lấy đâu!

Phải thấy cái công lệ vật cạnh thiên trạch quả là một định luật tự nhiên mà sự xâm chiếm các phần đất phía Nam cũng không phải là do người Việt Nam tự ý làm cái công việc thực dân đó. Phải nói người Việt hay nói cho đúng triều đình Việt bị quấy phá ở phần ranh giới Việt Chiêm khi còn hồn nhiên, từ Đồng Hới Chế bằng Nga có lần xâm chiếm quấy phá nước Việt đến tận kinh thành Thăng Long. Lại bị cưỡng bức ở phía Bắc bị mất các phần đất thuộc ranh giới Tàu - Việt, là Quảng Tây và Quảng Đông do các chế độ xâm lăng dọc theo lịch sử ngàn năm Bắc thuộc trong uy thế Thiên triều

1.1 Cửa Hội An - Quảng Nam.

1.2 Đổi tên của Cam Bốt là Mê Sô.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

đối với chư hầu. Việc đất đai người Việt bị chiếm đoạt hoàn toàn chỉ do đối phương uy hiếp chứ không tại người Việt quá nhiều như các nước lân cận phía Nam. Bởi thế, Người Việt Nam quay cuộc đời mình về phía Nam chính là để tìm một thế đứng yên ổn không bị quấy phá mà thôi!

Tuy thế, những nghiệt ngã mà Tổ tiên Việt Nam đã làm thì con cháu Việt Nam phải gánh chịu. Cho nên, tiêu diệt cả một quốc gia dân tộc, rồi thôn tính cả phân nửa lãnh thổ của quốc gia khác tuy có bù vào chỗ mất mát về phía Bắc, nhưng chính người Việt đã làm cái công việc mà đạo đức nhân nghĩa khó nổi bao dung, và hậu quả luật công bình của Tạo Hóa không để yên được.

Cho nên, cùng một vị trí địa lý vùng Đông Nam Á mà lịch sử Việt Nam hơn một thế kỷ nay đã không hề được yên ổn như các lân bang Thái Lan và Miến Điện, làm ảnh hưởng xao động cả vùng trong đó hai nước Lào và Cam Bốt cũng chịu chung cảnh trạng không may không ngoài mưu đồ vương bá của người Việt Nam.

Phải nói rằng lịch sử Việt Nam là sự chứng minh đạo lý, một cách rõ rệt mà cuộc Nam tiến dù đã được thực hiện như thế nào cũng quả là một dong ruổi của Tạo Hóa để cứu vãn cuộc sống của một dân tộc với nguồn gốc con Rồng cháu Tiên. Nhưng sự kiện ấy không phải tự nhiên mà có như một cơ may mà phải nói là do trí thông minh, óc sáng tạo của người Việt, bởi một tiềm năng quật khởi trong nguồn sống mãnh liệt của dân tộc này từ nghìn xưa đã chứng minh như thế.

Kể từ thế kỷ thứ IV trước Tây lịch, bởi sự xâm lăng của quân Hán, nước Việt Nam chỉ còn lại từ ải Nam Quan vì đã bị mất đi phần đất của mình mà hiện nay là hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa. Mãi cho đến năm 939 sau Tây lịch, phần đất bị mất ở phía bắc mới được bù trừ bởi những vùng chiếm được ở phương nam.

Thêm vào năm 1679, ba ngàn dân Trung Hoa của hai tỉnh nói trên đã không thần phục nhà Mãn Thanh mà sang xin làm dân nước Việt, được giao phó khai khẩn phần đất phía Nam sau này là Gia Định, Biên Hòa, Mỹ Tho. Sự chống đối giữa Hoàng Thiên (*Trung Hoa*) và Nặc Ông Thu (*Chân Lạp*) vào những năm 1688 chính là cơ hội để Nguyễn phúc Trăn chiếm cứ với mục đích bình định vùng lãnh thổ biên giới bảo vệ dân chúng trong nếp sinh hoạt an cư lạc nghiệp không hề có tính cách bá chủ hay tuân hành một mệnh lệnh ngoại quốc nào. Bằng chứng sự việc xảy ra sau đây cho biết như thế.

Nội việc Mạc Cửu, một người Quảng Đông mà cũng trở thành Tổng binh với con là Mạc thiên Tứ được phong Đô đốc Hà Tiên để chịu sự điều động như một công dân Việt dưới thời Chúa Nguyễn thì ta phải thấy rằng những gì mà người Trung Hoa đã làm nay phải tự họ hoàn trả lại cho người Việt. Với sự hiến đất chuộc tội của Nặc Tôn, vua Chân Lạp vào thế kỷ thứ XVIII (1759) qua sự trung gian của Mạc

thiên Tứ để toàn bộ sáu tỉnh miền Nam thuộc vào bờ cõi Việt Nam mà cho dù người Cam Bốt có nuôi cảm thù bao nhiêu về sau này họ cũng phải thấy rằng họ không thể chống chọi với cả hai thế lực hợp tác nhau. Một mặt sức sống của người Trung Hoa cần có sự nương tựa để an cư lạc nghiệp trong hoàn cảnh lưu vong, mặt khác, sức mạnh của người Việt qua sự cai trị thực dân của họ trong khi nội tình Chân Lạp đã diễn ra cảnh huynh đệ tương tàn thì làm sao mà tự trị độc lập cho được. Nếu người Việt là thực dân với đúng nghĩa của nó như thực dân Pháp đối với Việt Nam sau này, thì có thể nói nước Chân Lạp đã chịu chung số mệnh với nước Chiêm rồi, thật khó còn tồn tại đến ngày nay.

1.2 SỰ ĐỘ HỘ THỜI PHÁP THUỘC

Bây giờ ta hãy quay qua lịch sử Việt Nam từ non hai thế kỷ lại đây để biết sự công bình của Tạo Hóa đối với nước Việt Nam như thế nào, để thấy giá trị đạo giáo đến đâu, và cái lý do xuất hiện Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính cũng là sự đáp ứng nhu cầu sinh tồn cho một dân tộc đang suy vong bởi luật Thiên điều cũng như để đáp ứng nhu cầu cho cả một đại cuộc nhân loại khi lâm vào thế cùng của cơ tự diệt không khác hoàn cảnh của đất nước Việt Nam mà phương thuốc chữa trị có thể ứng dụng cho hai căn bệnh đồng thời!

Xét đến nguyên do của sự xâm lăng ngoại quốc vào đất nước Việt Nam khi nó vừa tạo thành bờ cõi từ Nam Quan đến Cà Mau với tư thế của một vương quốc hùng cường bất khuất thì đủ thấy luật Thiên điều quả đã được ứng dụng một cách vô cùng màu nhiệm.

Căn cứ theo sử liệu của người Tây phương ghi chép, qua nhận định khách quan, điển hình là Philippe Devillers, tác giả sách Histoire du Vietnam de 1940 à 1952, thì sở dĩ người Tây phương đổ xô đi tìm thị trường trên khắp thế giới là do cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Pháp, ở Anh và ở Mỹ vào giữa thế kỷ thứ XIX. Đó là cuộc khủng hoảng thừa mà các nước này cần nơi tiêu thụ hàng hóa của mình. Năm 1842, Anh mua nhượng địa Hương Cảng vào mục đích này. Cho nên, nước Pháp quay nhìn về phía Viễn Đông cũng để tìm một lợi thế tương tự.

Trong khi đó thì nước Việt Nam thời ấy lại là nơi hấp dẫn đối với các giáo sĩ Da Tô người Pháp. Năm 1853, sự thờ cúng theo Da Tô giáo đã bị cấm tại Việt Nam và các giáo sĩ bị giết phần nhiều thuộc Giáo hội hải ngoại Paris và họ đã thành công phần nào trước đó ở Bắc và Nam Việt Nam.

Tuy nhiên cứ theo sách Nam Sử của Trương Vĩnh Ký thì từ 1596 đã có giáo sĩ Tây Ban Nha vào giảng đạo ở Việt Nam, đến đời Chúa Sãi mới có giáo sĩ người Pháp (1624). Nhưng từ 1631 ở trong Nam thì có Chúa Thượng Nguyễn phúc Lan, và ở Bắc (1663), Chúa Trịnh Tạc đã xua đuổi các giáo sĩ và cấm người trong nước theo đạo ngoại quốc. Sự cấm đoán này tự nó nói lên lập trường của chính quyền Việt Nam, dù

nội bộ có sự thù nghịch mâu thuẫn nhau cũng đã có điểm biểu đồng tình, ít ra cũng trên lập trường đối ngoại.

Đất nước, dù có sự thay đổi bộ mặt chính trị, từ vua Lê đến nhà Nguyễn, nhưng sự cấm đạo vẫn không hề ngưng nghỉ, đã gây ra hai thế đối lập của lương và giáo đến chỗ không còn được sự hòa mục ở xã hội Việt Nam. Mãi đến năm 1847, vua Louis Philippe đã phái một tàu chiến đến Đà Nẵng giải phóng cho 5 giáo sĩ, nhưng sự việc càng tăng thêm tính chất cấm đoán mà thôi cho mãi đến đời vua Napoléon II. Năm 1850, dưới áp lực của đảng Da Tô,^{1.3} nước Pháp mới quyết định trả đũa cho các giáo sĩ Da Tô.

Nước Việt Nam lúc bấy giờ là một nước hoàn toàn độc lập, dân số khoảng 12 triệu đã mang tên Annam do sự cai trị của người Trung Hoa từ năm 679, nhưng đã sống một cuộc sống oai hùng mà lịch sử vô cùng oanh liệt ghi dấu bất khuất đối với nước lớn Trung Hoa và gây niềm khâm phục cho các nước nhỏ như Nam Chiếu của dân tộc Thái, Lão Qua của dân tộc Lào, Chân Lạp của dân tộc Miên, và đã phải tiêu hao do sự đối đầu bất kham ở phía Bắc, dù được bù trừ sau đó về phía Nam! Một dân tộc như thế đã chịu vùi dập tuổi tên kể từ khi có sự xâm nhập của mồi đạo mà người Việt đã không khứng nạt ngay từ buổi ban đầu!

Nhưng nếu quốc gia này có một vị Quốc Trưởng như Quang Trung Nguyễn Huệ thì cục diện lại đã không xảy ra. Bởi cái chết của vị anh hùng dân tộc Quang Trung năm 1792 mà chính phủ Pháp mới quyết định can thiệp vào Việt Nam qua sự yêu cầu của Nguyễn Ánh bởi nhân vật Da Tô giáo Bá đa Lộc.^{1.4} Tuy nhiên, ông này đã thất bại mặc dù đã phải mất ba năm^{1.5} mà không được chính quyền Versailles ủng hộ nên phải tự gọi những tình nguyện quân khoảng 400 người, với một số vũ khí để gặp lại Nguyễn Ánh năm 1789. Khi Bá đa Lộc từ trần năm 1799 là lúc lính tình nguyện trở về Pháp hoặc bỏ đi các nơi (*như Ấn Độ*) và chỉ còn lại vồn vẹn có 9 người Pháp tại Việt Nam, nhưng nhờ vào thời vận với sự bất hòa của ba anh em nhà Nguyễn^{1.6} mà ba năm sau, Nguyễn Ánh đã thắng được quân Tây Sơn và lên ngôi năm 1802. Như vậy có thể xác định được rằng Bá đa Lộc đã không giúp ích gì cho xứ An Nam bởi ông chỉ có lo cho đạo Chúa để trả thù cho các giáo sĩ bị giết hơn là giúp cho sự phục hưng đất nước này.

Sự bất bớ nghiêm cấm đạo Da Tô lại tiếp tục sau đó với các vua nối nghiệp Gia Long là Minh Mạng và Tự Đức. Cho dù tín đồ đạo Chúa là Nguyễn trường Tộ hoặc tín đồ Nho giáo như Phạm phú Thứ có lưu ý nhà vua về những chậm tiến có hại cho tiền đồ dân tộc đi nữa thì đó chỉ là những gợi ý tự nó không có giá trị vì các vua quan lúc bấy giờ không hề xuất ngoại để biết thiên hạ tiến bộ tới đâu!

Đồng thời, cũng trong thể chế quân chủ như nước ta mà dân tộc Phù Tang đã

1.3 Tức Parti Catholique.

1.4 Tức Alexandre de Rhodes.

1.5 Kể từ 1784 là năm ông gặp Nguyễn Ánh.

1.6 Nhạc-Huệ-Lữ.

Đông Tân

trỗi dậy, vút bỏ phong kiến lạc hậu, anh hùng nhứt phương mà đánh đổi lấy sự thu thập ánh sáng của nền văn minh khoa học để qua mặt các nước tự nhận là tân tiến trong khi nước Việt Nam đã phải trải qua những giai đoạn đen tối ê chề, chỉ vì người Việt Nam đã vướng phải nhiều tội lỗi, đã làm cho dân nước người cùng khổ thì mình cũng khó bề được hưng thịnh, nếu không phải trải qua một thời kỳ phải trả nợ cho tất cả những hậu quả tai hại kia.

Chính trong thời kỳ suy vong để trả quả ấy mà với chiêu bài can thiệp tự do cho giáo dân, chính phủ Pháp đã thôn tính ba tỉnh miền Đông (1864) rồi ba năm sau chiếm nốt ba tỉnh miền Tây (1867) để cả miền Nam^{1.7} phải chịu sự lệ thuộc từ đó. Một điều cần biết là chính nước Pháp không có ý định chiếm miền Nam trước, mà đã tấn công vào triều đình Huế qua ngả Đà Nẵng nhưng bất thành.

Bởi thế, sau khi bình định xong miền Nam thì quân đội Pháp tấn công miền Bắc nhân việc chủ thương gia Jean Dupuis lấy cớ vận chuyển hàng hóa sang Tàu mượn đường sông Hồng Hà qua Vân Nam không được triều đình Huế chấp thuận mới có sự can thiệp của Francis Garnier, một thuộc quan cấp úy của viên tư lệnh phái bộ Pháp là Doudard de Lagree để tên này phải mua lấy cái chết mất đầu do quân Cờ Đen sát hại tại ô Cầu Giấy bờ sông Hồng Hà cùng 5 tùy viên. Nhưng cuối cùng, do hòa ước Thiên Tân (9/6/1885) nước Pháp giành quyền cai trị Việt Nam và sự giao thông qua Bắc Việt tới Trung Hoa một cách ngang nhiên thô bạo...

Tháng 7/1887, vừa sau khi vua Tự Đức băng hà, kinh thành Huế đã bị quân lính Pháp tràn ngập bằng cuộc đổ bộ chớp nhoáng từ cửa Thuận An. Hòa ước Patenôtre đã đánh dấu cuộc bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam (6/6/1884). Sau đêm khởi nghĩa bất thành (5/7/1885) Vua Hàm Nghi và Tôn thất Thuyết phải bỏ chạy. Thế là đất nước chìm trong thảm họa đau thương triền miên thời Pháp thuộc. Nước Việt Nam bị chia ra làm ba đế chế. Sự kiện không khác ngày xưa vua Lê Thánh Tông đã chia ba nước Chiêm Thành để tiêu diệt như đã nói trên.

Chế độ thuộc địa bắt đầu từ Paul Bert với sự thành lập các tòa công sứ ở mỗi tỉnh và chức vị Toàn quyền ở toàn quốc, kể từ 1887 gọi là chính thể bảo hộ An Nam. Bắc kỳ phụ thuộc vào Bộ Hải ngoại với nghị định 27/1/1886, rồi bộ Thuộc địa với nghị định tháng 10/1887 và cuối cùng đến 1898, chính phủ thuộc địa hoàn toàn thu các sắc thuế trên toàn cõi Việt Nam.

Thế rồi, thế kỷ XX bắt đầu, đất nước này chìm trong tăm tối, một tổ chức kháng chiến hữu danh như Cần Vương cũng tan biến dần với vua Hàm Nghi bị bắt 1886 và Văn Thân với Phan đình Phùng mất năm 1895 ở Trung Việt, Hoàng hoa Thám ở Bắc Việt (1892-1896) cũng không còn nữa. Cho đến 1896, thì mọi ngọn lửa cách mạng trong nước kể như bị dập tắt hoàn toàn! Tức thì cái chức Kinh lược ở Bắc kỳ cũng mất đi nhường cho quan Thống sứ ở Hà Nội, còn Viện Cơ Mật ở Huế nhường cho quan

1.7 Vốn là Thủy Chân Lạp của Cao Mên.

Khâm sứ Huế, triều đình chỉ còn là bù nhìn và cơ nghiệp của nhà Nguyễn đã kết thúc một thế kỷ thống nhất trong điêu tàn và ô nhục!

1.3 CÁC PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Triều đình Huế đang dưới triều vua Thành Thái nhưng với những biến động của các tổ chức như Việt Nam Duy Tân Hội^{1.8} qua những thành công về văn hóa như Đông Kinh Nghĩa Thục đã khiến cho vua Thành Thái với những diễn xuất ly kỳ tại triều đình để nguy trang trước mắt dòm ngó của thực dân, đã bị xem như người điên và buộc phải thoái vị rồi đi đày, nhường ngôi cho Hoàng tử vừa 7 tuổi là vua Duy Tân. Tuy nhiên các cuộc khởi nghĩa của Duy Tân Hội cũng đã phát khởi tại Hội An (*Quảng Nam*), Hà Nội và Nam kỳ do các đoàn thể sinh viên, đến nỗi chính phủ thuộc địa phải ra lệnh giải tán các trường đại học mà Toàn quyền Beau đã khai sinh 1906.

Với sự thành công của Quốc Dân Đảng năm Tân Hợi (1911) ở Trung Hoa, các nhà cách mạng Việt Nam đã hồi sinh Duy Tân Hội thành Việt Nam Quang Phục Hội với Cường Để là Chủ tịch. Tổ chức này đã gây nên một phong trào đấu tranh ở khắp nước từ 1913 đến 1916. Ở Bắc Việt, Đề Thám, sau giai đoạn 1892-1896 đã tiếp tục cuộc kháng chiến từ 1909 đến 1913. Phong trào lan đến Huế và vua Duy Tân đã thoát ly ra khỏi kinh thành tháng 5/1916 để cùng số phận với Hàm Nghi là bị bắt và lưu đày sau đó. Con của vua Đồng Khánh, Khải Định lên ngôi từ đó.

Do những phong trào kế tiếp này mà chính phủ thuộc địa đã nói bàn tay cai trị khe khát bởi Toàn quyền Albert Sarraut, một nghị viên trẻ. Ông này có chút ít cải tiến trong ngành giáo dục^{1.9} và tuyển các dân biểu Việt vào làm các cơ cấu địa phương.

Dù sao thì Đệ I thế chiến đã đánh dấu sự góp công đắc lực của người Việt cho mẫu quốc với 2500 lính trong số 100.000 công nhân xuất ngoại.

Đồng thời, với thái độ hòa hoãn của các nhà cách mạng Phan bội Châu và Phan châu Trinh, ở Bắc Việt có Phạm Quỳnh đề xướng các chủ trương đề huề Pháp Việt, với sự nhiệt tình yểm trợ của nước Pháp đã ảnh hưởng đến vua Khải Định. Thế nhưng cuộc viễn du năm 1922 của ông đến Pháp đã thất bại hoàn toàn do thái độ nhu nhược và thấp hèn của nhà vua mà bản "*thất điều*" của nhà chí sĩ Phan châu Trinh đã nêu rõ tội trạng ấy!

Trong khi đó thì ở Nam kỳ có nhóm Bùi quang Chiêu, năm 1923 đã thành hình một đảng gọi là đảng Lập Hiến^{1.10} đã thu hút lớp trưởng giả Nam kỳ không ít. Ông có đi Pháp năm 1926 để mưu cầu đại sự nhưng lại về không(!) và sau đó lại bị Nguyễn phan Long, một nhà báo nổi danh trong hàng ghế Hội đồng Thuộc địa như ông làm cho lu mờ đi.

1.8 Cửa các nhà cách mạng Phan bội Châu và Phan châu Trinh với tiêu đề Kỳ Ngoại Hầu Cường Để.

1.9 Cho các trường đại học được tái hoạt động tại Đông Dương.

1.10 Parti constitutionaliste.

Khi Toàn quyền Albert Sarraut phải về nước để nhận nhiệm vụ mới thì người kế vị là Maurice Long tiếp tục công nghiệp của ông nhưng không thành công.

Thời bấy giờ toàn cõi Việt Nam có khoảng 22 triệu dân mà trên cùng đã có đến 11.000 người Pháp cai trị với đủ mọi thành phần. Họ chia ra làm hai nhóm: nhóm cai trị (*hành chính*) và nhóm kinh tế, không mấy khi hòa hoãn nhau. Trong tình thế ấy, một quan cai trị từ Phi châu sang thay cho ông Maurice Long là Martial Merlin đã bị Phạm hồng Thái, một đảng viên Quốc Dân Đảng Việt Nam ám sát tại Quảng Châu vào năm 1924 vì tên thực dân này tăng thuế điền thổ khiến dân chúng bất bình!

Tháng 5/1925, một dân biểu xã hội, ông Alexandre Varenne đã thay Merlin vào ngày 18/11/1925 trong một thời điểm đầy biến cố của xứ này. Ngày 6/11/1925, Khải Định mất. Nổi nghiệp chỉ có người con là Vĩnh Thụy vừa tròn 12 tuổi đang theo học tại Pháp. Toàn bộ sự cai trị đều do quan Khâm sứ Trung kỳ điều động khiến dân chúng bất mãn.

Chính trị của Varenne không khác của Sarraut. Các hội đồng địa phương được thành lập trong số dân bản xứ, lĩnh ân xá cho các chính trị phạm trong đó có cụ Phan bội Châu bị bắt vào ngày 30/6/1925 tại Thượng Hải và tuyên án tử hình ngày 13/11/1925.

Nhưng chính sách của Varenne đã bị các nhóm xã hội thuộc địa^{1.11} khống chế và thực hiện được sự cải cách. Các nhà cách mạng như Huỳnh thúc Kháng và Lê Huân có uy tín với quốc dân được bầu vào các viện Dân Biểu, đã dự định thành lập một đảng lấy tên là "*đảng quốc dân cấp tiến*" nhưng bị theo dõi bởi lính kín và không làm gì được. Sở dĩ như thế là vì các nhóm dân Pháp ở Việt Nam đã nắm hết quyền lợi kinh tế trong tay, vơ vét bóc lột khiến cho người dân Việt kể như chìm trong màn tăm tối từ xưa càng thêm u uất mà những gì gọi là khai hóa đã không hề được thực thi chút nào. Sự thật đã không thể chối cãi như lời ông Paul Bernard đã viết trong sách *Le Problème économique Indochinois en 1934*^{1.12} trang 15 như sau: "*...Dune manière générale, les conditions de la vie de la terre sans plus, et il n'est en mesure de satisfaire que ses besoins les plus immédiats. Le problème de la faim se pose même pour lui dès que se présente une année de récolte moins satisfaisante ou dès qu'un événement inattendu, maladie, accident le contraint à des dépenses imprévues...*"^{1.13} Sở dĩ như thế là vì tất cả các nguồn lợi tức khác như các món hàng nhập cảng không hề đến tay họ mà do các quan thầy thực dân thao túng hết.

Như thế, xã hội Việt Nam từ đầu thế kỷ XX quả là một xã hội bị bóc lột, bị vơ

1.11 Société coloniale.

1.12 Về vấn nạn kinh tế Đông Dương 1934.

1.13 Xin tạm dịch: "Nói tổng quát, cuộc sống của dân chúng thật vô cùng khốn khổ. Người nông dân sống bám vào miếng đất không có chi hơn là họ chỉ có thể thỏa mãn những nhu cầu cấp bách nhất, vấn đề đói khổ cũng thường đến với họ vào những năm mất mùa hay có một biến cố nào xảy đến như bệnh tật, tai nạn, buộc họ phải chi dùng một cách bất ngờ..."

vết đến tột độ. Dân dị chủng thuộc địa thì giàu sang béo phì hống hách, trong khi đó thì đám dân đen chịu mọi sự khắc nghiệt nghèo khổ đói rét thảm thương, mà đất nước đối với họ chỉ là nơi xa lạ không đâu. Ngoại trừ Nam kỳ, cuộc sống của người dân Việt tương đối khá hơn, nhưng chỉ phụ thuộc vào sự xuất cảng gạo. Lương bổng thì các quan Tây các cấp hưởng hầu hết lợi tức thu hoạch. Dưới thời Toàn quyền Varenne, một quan Tổng đốc Việt chỉ được hưởng lương tháng 300 đồng trong khi một tên tùy phái cảnh sát người Pháp cũng được 350 đồng/tháng tại Hà Nội.^{1.14}

Xã hội Việt Nam lúc bấy giờ thật là nơi tập đoàn thuộc địa thao túng, nạn người bóc lột người vô cùng trắng trợn. Các quan lại Việt Nam thì chỉ biết luồn cúi, hay nói theo danh từ De Gaulle là "*chịu cúi đầu*" (*courbé*). Trong khi đó thì không có chút tự do nào cả như tự do ngôn luận, tự do hội họp, cả đến tự do đi lại cũng bị ngăn cấm. Người trong nước muốn đi từ tỉnh này đến tỉnh khác cũng phải có giấy phép chẳng khác gì xuất ngoại. Cho nên Phạm Quỳnh thời đó đã nói một câu rất đúng: "*Người Việt Nam thật không khác người ngoại quốc sống trên đất nước của họ.*"

1.4 THÁI ĐỘ TỪ CÁC THÀNH PHẦN CHỐNG PHÁP

Năm 1924, các nhóm đảng phái Cách mạng Việt Nam nổi lên khắp nơi như Phục Việt, Hưng Nam, Việt Nam Cách Mạng Đảng nhưng đều yếu vong.

Đầu năm 1927, Việt Nam Quốc Dân Đảng, do Nguyễn thái Học thành lập với chủ trương một nước Việt Nam dân chủ ảnh hưởng cách mạng Trung Hoa do Tôn dật Tiên phối hợp với chủ nghĩa Tam Dân: dân sanh, dân tộc, dân quyền (*triple démisme*) mục đích đánh đuổi Pháp ra khỏi nước. Ảnh hưởng nhanh chóng cho đến 1929 có đến 120 tổ chức đảng bộ với 1500 đảng viên.

Trong khi đó thì tại Quảng Châu (*Canton*) năm 1925, có một thanh niên Việt Nam làm thợ kỹ thông dịch viên cho cố vấn Nga Sô tại Trung Quốc dưới triều đại Tưởng giới Thạch là Borodine. Đó là Nguyễn ái Quốc, sinh năm 1892 tại Nghệ An, dưới danh nghĩa con một nhà cách mạng có tên trong phong trào Cường Để - Phan bội Châu. Năm 1911, vừa 19 tuổi, ông ta trốn ra khỏi nước trên chiếc tàu buôn của Pháp. Ông ta đã từng sống trong khu phố Batignolles bằng nghề nhiếp ảnh, nhưng vốn có khiếu chính trị và đọc nhiều sách, nhất là sách cộng sản. Nghe đâu trong thời điểm này cụ Phan chu Trinh hiện đang có mặt tại Pháp đã tiên tri về ông ta: "*Anh này chắc sau theo cộng sản!*". Mà thật vậy, sau đó không lâu, ông ta gia nhập đảng cộng sản Pháp từ 1919 và đến Moscou năm 1923 trong phái bộ đảng viên các thuộc địa Pháp tại hội nghị quốc tế vô sản năm đó để thành hình một nhóm người Việt thuộc Đại hội cộng sản của công nhân Á Đông.

Cuộc ly dị giữa hai đảng Quốc - Cộng tại Trung Hoa vào tháng 4/1927 làm Nguyễn ái Quốc phải rời Quảng Châu với quan thầy là Borodine và tướng Gallan rời

1.14 Theo Paul Bernard, cuốn *Le Problème économique Indochinois en 1934*.

Đông Tân

đi Moscou. Còn nhóm thanh niên cộng sản được Hồ Tùng Mậu rồi Hồng Sơn thay thế điều khiển và đã hoạt động đồng thời với Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Trong khi Việt Nam Quốc Dân Đảng giết được tên Bazin, tên thực dân thu thuế khét tiếng tại Hà Nội vào ngày 9/2/1929 và chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái, sự việc bất thành nên Nguyễn Thái Học bị xử tử cùng với các chiến hữu, thì sau đó vào tháng 5/1930, nhóm Thanh niên cộng sản đổi tên là Đông Dương cộng sản đảng, cơ sở tại Hải Phòng với các cuộc chống sưu thuế của nông dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi (từ 5/1930 đến 9/1931) và nhất là ngày 12/9/1930 với 6000 dân tại thành phố Vinh, nhưng kết cuộc thì Nguyễn Ái Quốc bị bắt tại Hồng Kông (6/6/1931).

Ngày 8/9/1932, Bảo Đại từ Pháp về sau 10 năm du học dưới sự điều khiển của giáo sư Charles. Chiếc tàu nhà vua hạ neo tại Đà Nẵng. Với bầu máu nóng thanh niên, nhà vua đã nuôi những tham vọng cải tiến dân sinh, phục hưng dân trí và với sự phụ họa của Phạm Quỳnh trong tư thế một nhà báo có tinh thần xây dựng đất nước, ông tưởng sẽ làm nên một cái gì cho Việt Nam, di sản của tổ tiên ông. Nhưng thực sự từ 1925, ngôi vị đế vương của ông chỉ là bù nhìn mà mọi quyền hành ở trong tay của quan Khâm sứ tại Huế.

Ngày 10/9/1932, Bảo Đại tuyên bố thành lập một nền dân chủ lập hiến. Ông xác nhận có Viện Dân biểu và Thủ tướng chính phủ là ông Nguyễn Bá Trác, một cộng sự viên lỗi lạc của Phạm Quỳnh tại báo Nam Phong, vốn là nhà cách mạng trong phong trào Đông Du. Nhà vua tỏ ra rất dân chủ, bận Âu phục đi xe hơi trước quần chúng và cưới một thường dân vì Nam Phương Hoàng hậu là con của một địa chủ đạo Cơ Đốc, người Nam kỳ.

Bảo Đại bắt đầu cuộc canh cải nội các. Ông thay thế lớp già^{1.15} bởi lớp trẻ, bãi bỏ bộ binh, còn lại chỉ năm bộ với một Thủ tướng cầm đầu. Trong thời gian này, một viên quan Tổng đốc Phan Thiết là Ngô Đình Diệm được triệu hồi về Huế giữ chức vụ Bộ trưởng Nội Vụ vừa là Tổng Thư ký của Ủy ban Cải cách bởi ông Diệm là con ông Ngô Đình Khả, quan đại thần lúc bấy giờ rất can trực, dám chống lại sự lưu đày của vua trước bạo lực của người Pháp. Nhưng ông Diệm lại cũng chẳng làm gì hơn được bởi những sáng kiến của ông được Nguyễn Đệ, Chánh Văn phòng của Quốc Trưởng nâng đỡ, thì lại bị Phạm Quỳnh bác bỏ. Cho đến tháng 9/1933, ông Diệm phải đệ đơn từ chức với lý do là không thể chịu được trò hài kịch này. Cuối cùng, trong vòng một năm, chính Bảo Đại cũng từ giả ý định hào hứng của mình buổi ban đầu và mặc cho Phạm Quỳnh thao túng trên chính giới.

Tháng 6/1936, mặt trận bình dân (*Front populaire*) ở Pháp đã gieo rắc nơi đất bảo hộ xa xăm này một làn sóng "tin tưởng và hy vọng", nói theo bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Chính tại Nam kỳ, nhượng địa của Pháp, nơi mà báo chí Pháp ngữ còn hưởng nhiều đặc quyền tự do, với sáng kiến của Bộ Trưởng thuộc địa Pháp, Maurius Moutet,

1.15 Trong đó có Nguyễn Hữu Bài đương chức Phụ chính Đại thần.

quyền tự do ngôn luận và hội họp được phổ biến trong dân chúng nên nhờ đó nhiều đảng phái tôn giáo có cơ hội để trưởng thành. Khuynh hướng của giới trí thức trưởng giả ở Nam kỳ thiên về dân chủ. Cho nên, năm 1937, Bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh có thành lập một đảng lấy tên là đảng Dân chủ có tính chất ôn hòa, không hoàn toàn hợp tác với Pháp nhưng cũng không chủ trương đảo lộn trật tự xã hội. Ông đòi hỏi sự cải cách chính trị và hành chánh, sự mở rộng quyền tự do căn bản về tư tưởng, báo chí và hội họp. Ông đòi hỏi phải cho người Việt tham gia vào các cấp hành chánh, các ngành quân sự và hải quân...

Trong quần chúng lúc bấy giờ có thể chia làm hai phía. Phía bần dân lao động thì luôn luôn nghèo hèn từ ông bà tổ tiên để lại, nhưng họ cũng dần dần cảm biết nguyên do của sự nghèo nàn này là bởi sự bất công của xã hội. Họ sống lầm lũi không cần biết đến ai, người Pháp và nước Pháp đối với họ như những gì rất xa lạ. Trong khi đó giới trung lưu không phải ít được học hỏi theo văn minh Tây phương, cảm nhận cái sống tự do hơn là tập thể, không cần để ý đến tập tục cổ truyền hay dở đến thế nào!

1.5 PHONG TRÀO CỘNG SẢN

Từ đầu 1942, một nhóm cộng sản đê tứ, bí mật hoạt động tại Sài Gòn dưới sự hướng dẫn của một sinh viên trẻ Tạ Thu Thâu. Bị giải tán năm 1932, đảng này tái tục hoạt động dưới một hình thức công khai từ tháng 2/1933 trong phong trào giáo dục công nhân. Nhóm này có sự tham gia của một số đảng viên cộng sản đê tam và các nhóm trí thức không đảng phái. Họ có tờ báo La Lutte viết bằng tiếng Pháp nên không được phổ cập trong quần chúng công nhân và thợ thuyền theo cái nghĩa tranh đấu của nó. Nhưng trong lần bầu cử Hội đồng thành phố tại Sài Gòn năm 1933, nhóm La Lutte đã có hai người đắc cử: Nguyễn Văn Tạo (*đê tam*) và Trần Văn Trạch (*đê tứ*). Nhưng từ 1935, đảng cộng sản dưới quyền lãnh đạo của Trần Văn Giàu, một cựu sinh viên trường Staline theo chỉ thị của đảng cộng sản Nga do Dinitrov trong kỳ hội nghị tại Macao đã thay đổi chiến lược, thay vì chống Pháp họ quay sang chống Nhật. Tuy rằng có sự bất bình giữa hai nhóm này (*đê tam* và *đê tứ*) nhưng kỳ bầu cử 1937 đã có ba người đắc cử: Tạ Thu Thâu (*đê tứ*), Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo (*đê tam*). Tập thể này gây ảnh hưởng rất lớn trong đám nhân công tại Sài Gòn Chợ Lớn với dự định tiến đến một Đông Dương Đại hội. Nhưng trong kỳ bầu cử 4/1939, 3 ứng cử viên đê tứ đều đắc cử: Tạ Thu Thâu, Trần Văn Trạch và Phan Văn Hùm với 80% số phiếu, đánh bại các ứng viên khác, kể cả cộng sản đê tam.

Đến đây, Devillers viết: *“Tuy nhiên, một mãnh lực mới đã hiện ra trên những cánh đồng Nam Việt. Từ 1926, một người tên Lê Văn Trung, thầy khoán công chánh và nghị viên hội đồng thuộc địa, đã tạo nên một giáo phái bằng cách tiếp xúc với sự giáng hạ của một thần linh đã có từ 1920 là Cao Đài, vị thần thiêng liêng, chúa tể tối cao, tinh chất của Phật và Chúa Cơ Đốc. Dưới ảnh hưởng tinh thần thực tiễn của Lê Văn Trung, Cao Đài giáo đã khẳng định như là một tổ chức giáo phái đúng hơn là một*

Đông Tân

tôn giáo: một Tòa Thánh được dựng lên ở Tây Ninh đã trở thành một nơi hành hương; cả một hệ thống chức sắc đồ theo hệ thống của Giáo hội Da Tô (lãnh đạo là Giáo Tông) đã thành hình. Nhiều Thánh Thất chung quanh thiết lập những xã đạo đã thành hình trong nhiều tỉnh. Một tổ chức thật sự về hành chánh và tài chánh đã bỏ túi cho công trình chung. Cái chết của Lê văn Trung đã làm cho căn bệnh đến cực điểm của những tranh chấp nội bộ mà từ căn nguyên đã giày xéo giáo phái này. Tuy thế, năm 1934, người phụ tá, Phạm công Tắc, đã thắng các đối thủ và trở nên Giáo Tông tại Tây Ninh. Trong bốn năm, ông này đã biến Cao Đài giáo thành một lực lượng chính trị đáng sợ. Giáo phái đến nay (1938) đếm được gần 300.000 tín đồ và tạo thành một chính phủ trong chính phủ đương thời...”

Nguyên văn như sau: “*Une nouvelle force était cependant apparue dans les campagnes de Cochinchine. Depuis 1926, un certain Lê văn Trung, entrepreneur de travaux publics et conseiller colonial, avait fondé une secte en reprenant l’essentiel de la révélation qu’un spirite disait avoir eue, vers 1920, de “Cao Dai”, l’esprit divin, souverain suprême, essence de Bouddha et de Jésus Christ. Sous l’influence de l’esprit pratique de Lê văn Trung, le Caodaisme s’était affirmé comme une organisation religieuse plutôt que comme une religion: un Saint Siège avait été construit à Tây Ninh, qui était devenu un lieu de pèlerinage; toute une hiérarchie, calquée sur celle de l’Église Catholique (son chef était la Pape caodaïste) avait été institué. Des oratoires autour desquels s’étaient édifiés des villages de fidèles, avaient été créés dans plusieurs provinces. Une véritable organisation administrative et financière avait complété le tableau. La mort de Lê văn Trung avait porté à leur paroxysme les luttes internes qui, de son origine, avaient déchiré la secte. En 1934, cependant, l’adjoint du défunt, Phạm công Tắc, avait triomphé de ses adversaires et était devenu Pape à Tây Ninh. En quatre ans, il venait de faire du Caodaisme une redoutable puissance politique. La secte comptait maintenant (1938) près de 300.000 adhérents et formait une véritable état dans l’état...”*^{1.16}

Nhưng, các quyền tự do không ra ngoài lãnh thổ nhượng địa Nam kỳ. Ở Trung và Bắc vẫn chịu sự cai trị từ trước, không có một đảng phái nào được công khai như ở Nam kỳ. Theo lời của Devillers: “...chính nhờ không khí tự do này mà Đạo Cao Đài đã khai sinh và lớn lên một cách tương đối dễ dàng để biến thành một lực lượng quần chúng 300.000 người vào năm 1938 và tạo thành một quốc gia thực sự trong quốc gia.”^{1.17}

Về phía các đảng phái quốc gia, năm 1931-1932 Việt Nam Quốc Dân Đảng, sau cái chết của thủ lĩnh Nguyễn Thái Học, đã lẩn tránh qua Nam Kinh, kết tập thành đoàn thể gọi là Ủy Ban Trung Ương Quốc Dân Đảng, liên lạc về Việt Nam trong bí mật có các nhà báo ở Hà Nội trong số đó có Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh). Trong

1.16 Theo P. Devillers. Histoire du Viet Nam de 1940 à 1952. Éditions du seuil - trang 69.

1.17 un véritable état dans l’état.

khi đó đảng cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ dưới danh nghĩa Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương do Phạm văn Đồng và Võ nguyên Giáp lãnh đạo. Đồng sinh năm 1906, người Quảng Ngãi, là con của một viên quan thư lại triều Duy Tân, có theo học tại Huế nhưng sớm tham gia chính trị cộng sản. Bị mật vụ Pháp theo dõi từ 1925, ông ta phải trốn sang Quảng Châu (Canton). Tại đây, ông ta gặp Nguyễn ái Quốc, được cho gia nhập đảng thanh niên và học trường Hoàng Phố. Từ 1926, Đồng được đưa về nước để tổ chức các nhóm cộng sản tại Việt Nam. Võ nguyên Giáp, thua Đồng 6 tuổi, người Quảng Bình, con của một nông dân, vốn là đảng viên của đảng Tân Việt, đến 1930 mới tham gia cộng sản. Ông ta sống bằng nghề dạy học tại một tư thực ở Hà Nội mà Hoàng minh Giám làm hiệu trưởng. Cùng lúc, ông ta theo học tại đại học Hà Nội và đỗ bằng cử nhân luật và tiến sĩ kinh tế chính trị năm 1937.

Năm 1938, đương thời Bộ trưởng thuộc địa Georges Mandel, Bảo Đại có thực hiện một cuộc công du Pháp quốc để yêu cầu cải cách tại miền Trung Bắc, nhưng chỉ nhận những lời hứa suông và trở về không kết quả.

1.6 SỰ XUNG ĐỘT PHÁP - NHẬT

Tình hình chính quốc Pháp trong thời gian này vô cùng rối ren. Một mặt, Nhật Bản ở Á Đông, mặt khác Đức ở Âu Châu đã làm cho chính phủ Pháp lo âu.

Tháng 10/1933, Nhật chiếm Quảng Châu, tháng 2/1939 chiếm Hải Nam và tháng 3 chiếm các đảo Hoàng Sa. Lại một bài học của luật công bình Tạo Hóa xuyên qua lịch sử mà trước kia Jean Dupuis đã làm với triều đình Huế cách đây non nửa thế kỷ.

Vốn muốn kiếm chuyện với người Pháp tại Đông Dương, đầu năm 1939, tướng Tsubihashi, vốn tùy viên quân sự Nhật ở Paris nên nói tiếng Pháp rất thạo, đã đến Hà nội yêu cầu sự giới hạn việc giao thông vận tải từ Việt Nam qua Trung Hoa, nhất là sự tiếp viện của Hoa kỳ lúc bấy giờ cho Trung Hoa Quốc Dân Đảng qua ngã Bắc Việt. Tuy sự điều đình thất bại nhưng đó chính là mối nguy cơ mà chính quyền thực dân Pháp hằng nom nớp lo âu, nhất là khi Bá Linh và Đông Kinh mỗi ngày càng liên kết chặt chẽ.

Trong tình thế đó thì Toàn quyền Brévié về Pháp nghỉ phép, tướng Catroux lên tạm thay tháng 8/1938. Thế là một tướng lãnh nhận chức vụ Toàn quyền đầu tiên tại Việt Nam từ 1880.

Không khí chiến tranh bắt đầu sôi động. Đảng cộng sản Đông Dương muốn thừa cơ hội hoạt động mạnh trong thời kỳ bắt đầu công khai. Tháng 9/1939, Lê hồng Phong bị bắt dưới tên một người Tàu, và bị giết năm 1940. Nghị định của Pháp quốc ngày 26/9/1939 cấm chỉ các tổ chức cộng sản hoạt động, dù đệ tam hay đệ tứ. Do đó, Thâu, Mai và Giàu đều bị bắt. Đồng, Giáp và Phú trốn sang Quảng Tây, chỉ còn một tổng bộ hoạt động trong nước.

Khi trận chiến thế giới thứ hai bùng nổ, sự khủng bố của chính phủ thuộc địa đã làm tiêu tan các đảng phái, nên người Pháp sống trong một bầu không khí thật yên ổn. Con đường bắt nối hai miền Nam Bắc Việt Nam khởi công từ đầu năm 1900 dưới thời Toàn quyền Paul Doumer đã khánh thành năm 1937. Tuy nhiên, nước Việt Nam đã trải qua một thời sút giảm lực lượng quân sự, nhất là những người Pháp ở Đông Dương không phải là những chiến sĩ can trường mà chỉ thực là những gian thương chỉ chực ăn xổi ở thì!

Thế là sự gì đến phải đến! Tướng Tsushihashi được lệnh quân đội Nhật Hoàng, buộc chính phủ Pháp không được viện trợ khí giới cho Trung Hoa qua ngã Việt Nam bằng con đường xe hỏa Hải Phòng - Vân Nam. Thời ấy Thủy quân Đô đốc Toàn quyền Decoux chỉ hứa suông khiến Nhật hoàng phải dùng võ lực năm 1940 và chính phủ Pháp phải tuân lệnh! Thật chỉ có một con đường mà từ xưa đã tạo biết bao nhiêu di tích từ Lý thường Kiệt đến Trần Hưng Đạo rồi biển cố Dupuis - Garnier đến nay biển cố Tsushihashi... Tất cả đều có một nghĩa của đạo lý muôn đời!

Cho nên, ngày 19/6/1940, Đông Kinh gửi tối hậu thư cho Toàn quyền Catroux trong vòng 24 tiếng đồng hồ! Nước Pháp lúc bấy giờ thật cô thế! Phía Hoa Kỳ không muốn gây gỗ với Nhật, bên Anh quốc cũng vậy. Trong khi đó vũ khí của Pháp đã lỗi thời với 25 chiếc phi cơ chống lại 200 chiếc phi cơ tối tân của Nhật với một hàng ngũ bộ binh đã làm cho nước Tàu phải e sợ thì Việt Nam nhỏ bé với nhóm quan lại thực dân ăn hút này có làm gì được? Tướng Catroux bèn dùng kế hoãn binh, một mặt kêu cứu về chính phủ Bordeaux,^{1,18} mặt khác van nài đội quân viễn chinh Anh ở Singapore. Nhưng sự kiện đã khiến cho Toàn quyền Catroux mất chức và Đô đốc hải quân Decoux đương kim Tổng Tư lệnh hải quân Pháp ở Viễn Đông lên thay theo chỉ thị từ Bordeaux ngày 27/6/1940. Nhưng Decoux do dự vì tình thế quá nguy hiểm, nên sau phải có sự thúc đẩy của Đô đốc Darlan mà lễ chuyển giao quyền hành từ Catroux qua Decoux mới cử hành tại Hà Nội ngày 20/7/1940. Sau khi nhận chức, Decoux liền nhận lệnh của tướng De Gaulle tại Luân Đôn.

Thế là một cuộc đàm phán xảy ra ngày 30/8 giữa hai bên Pháp - Nhật đi đến một kết quả Pháp phải nhường cho Nhật con đường giao thông ở Bắc Việt để giải quyết các vấn đề giữa Nhật với Trung Hoa, nhưng Nhật không phải đòi hỏi có chừng đó, họ còn muốn xử dụng tất cả phi trường tại Bắc Việt để mở đường đi Miến Điện! Lại một sự kiện theo kiểu thực dân ngày trước của Pháp đã làm với triều đình Việt Nam, quân đội Nhật đang đóng ở Lạng Sơn, giả vờ nóng lòng vì kết quả cuộc đàm phán đã tiến chiếm thành này làm tổn thất 800 quân Pháp Việt. Thế là ngày 12/9/1940 quân đội Nhật đã rầm rộ đổ quân lên Hải Phòng và đó là cuộc chiếm cứ không đổ máu của quân đội Nhật vào Đông Dương lần đầu tiên!

Trong khi đó thì đảng cộng sản Đông Dương quay mũi dùi vào hai đối tượng của tình thế theo chỉ thị của Komintern. Từ mặt trận Dân chủ, họ đổi thành "*Mặt trận*

1.18 Vì Pháp lúc bấy giờ đã bị Đức chiếm Paris.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

thống nhất các dân tộc Đông Dương chống đế quốc"^{1.19} dựa vào Liên Xô để tranh đấu cho nền độc lập dân chủ của Việt Nam. Ở Bắc Việt, các cơ sở đều rút qua Tàu, riêng ở miền Nam còn có vài cuộc sôi động, truyền đơn phá hoại ở các vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá, Bạc Liêu, nhưng thầy đều bị đập tắt bởi chính phủ Decoux!

Ngày 27/9/1941, thỏa hiệp Darlan - Kato đem lại lợi thế cho Nhật tiến vào Đông Dương với danh nghĩa phòng thủ chung. Chính Đông Dương với các phi trường và hải cảng Hải Phòng, Cam Ranh, Sài Gòn là những cứ điểm để Nhật quân nhắm mục tiêu Singapore. Quân đội Nhật không nhiều, khoảng 35.000 người từ 1941 đến 1945 chỉ đóng các then chốt chiến lược. Số người Pháp hiện diện tại Việt Nam lúc bấy giờ khoảng 40.000, một quân số tương đương, nhưng cả hai phe đều như đang bị chế ngự bởi một thế lực nào, tuy không bên nào chịu lép vế. Thật ra đây là một cuộc chiến tranh nguội, một bên người Pháp đang trong thời thế chiến thứ II, nước Pháp bị Đức chiếm, chính phủ Pétain ở Ba Lê bị khống chế bởi chính phủ kháng chiến De Gaulle ở Vichy. Chính quyền Pháp thì một phần thỏa hiệp được với Đức để đổi đầu với quân đội Nhật tại Đông Dương nên đã tạo ra thế tự trị, nhưng thực chất là chính phủ thuộc địa đang dang những móng vuốt bên trong. Toàn quyền thực dân muốn chứng tỏ cho dân bản xứ biết tính chất khai hóa của mình, tuy thật sự đã quá muộn màng. Từ tháng 5/1942, chương trình học vấn được cải tổ ở cấp tiểu học bằng cách sử dụng tiếng quốc ngữ và bắt đầu có chương trình chống nạn mù chữ trong toàn quốc bởi từ 80 đến 90 phần trăm dân chúng đều bị thất học và mù chữ!

Soạn giả rất "*hân hạnh*" đã sống tuổi ấu thơ qua chương trình tiểu học vào thời buổi khai hóa này! Đứa trẻ Việt Nam đến trường trong buổi chào cờ buổi sáng phải ca hai bài: một bài gọi là Quốc ca, nội dung rất "*độc lập*" như: "*Kìa núi vàng bể bạc, có sách Trời định phân, một giòng ta gầy non sông vững chắc, đã ba ngàn bốn trăm năm, Bắc Nam cùng một giòng con Hồng cháu Lạc...*" Tiếp theo là bài xưng tụng Thống chế Pétain (theo Đức) như: "*Maréchal, nous voilà! ...*"^{1.20} Thật là một sự mỉa mai cho tấn tuồng dị chủng khai hóa dân lành!

Còn ở bậc trung học thì có một loại chương trình dựa theo chính quốc Pháp tạo ra Tú tài mẫu quốc (*Bacc métro*), một loại chương trình nặng nề, gấp đôi bởi có học thêm về Việt Nam gọi là Tú Tài bản xứ (*Bacc local*) mặc dù cả hai đều bằng tiếng Pháp. Nhờ vào chương trình học này, số thanh niên có bằng cấp tham gia các dịch vụ hành chánh đã tăng gấp đôi từ 1941 đến 1944.

Trong khi đó các phong trào thanh niên và thể thao của Ducoroy đã hấp dẫn một số lớn thanh niên Việt trong phong trào thể dục thể thao chưa hề có ở xứ này. Tuy nhiên, chế độ đã không bớt khống chế người dân khi mà các cơ quan mật vụ đã hoạt

1.19 Front unique des peuples indochinois antiimpérialiste.

1.20 Nghĩa là: Thống chế ơi! có chúng tôi đây,...

Đông Tân

động ráo riết dưới quyền của trùm Arnoux - dù đã đổi danh từ Mật vụ Toàn quyền thành sở Liêm phóng Liên bang^{1.21} - không những theo dõi người Việt mà còn theo dõi cả người Pháp thân De Gaulle. Decoux còn lập ra một Hội đồng Đông Dương (27/6/41), gồm có 25 hội viên và hủy bỏ tất cả các Hội đồng đã có trước. Hội đồng này được xác định ngày 1/5/1943 gồm 23 người Đông Dương và 23 người Pháp, dự định còn tổ chức các hội đồng hàng tỉnh nhưng chính quốc Pháp không cho.

Thời kỳ 1941-1944, tuy nước Việt Nam đang sống trong cảnh yên ổn, nhưng bên trong đã ngầm ngầm những biến động chưa đến độ chín mùi. Người Pháp đã vô tình tạo nên những mầm cải cách và người Nhật đã vô tình tạo nên những điều kiện cho các biến động đi đến độ không còn ở trạng thái tĩnh như buổi ban đầu. Tờ tạp chí Tân Á viết bằng Việt ngữ đã cho đăng những chiến thắng của quân đội Nhật ở Pearl Harbor, ở Hongkong, Manila và Singapore như có ý thúc đẩy người Việt làm một cái gì cho giống da vàng!

Từ cuối năm 1942, sự tuyên truyền của phái bộ Nhật Bản bắt đầu tỏ ra gay gắt và chống người da trắng rõ rệt. Cuối tháng 7/1943, tướng Iwano Matsui, anh hùng Nam Kinh 1938, nguyên Tổng trưởng Bộ Chiến tranh và đương kim chỉ huy trưởng Đại Đông Á Xã^{1.22} trong dịp viếng thăm Sài Gòn đã đọc một bài diễn văn nảy lửa: "...Nhật Bản sẽ giải phóng tất cả các nước Á châu, bất chấp ý định của Anh, Mỹ hay Pháp..." Do đó, phong trào chống người da trắng bộc phát, lẽ cố nhiên đã được người Nhật nuôi dưỡng từ trước. Các nhân viên lãnh sự Nhật tại Sài Gòn là Yoshiho Minoda, đại úy tùy viên là Sadao Kawamura và một thương gia nhật Matsushita bị vào sổ đen của thực dân Pháp, và chính ông Matsushita đã bị Pháp mời ra khỏi Việt Nam năm 1938. Nhưng những người này cũng trở lại Đông Dương sau đó và đảm nhận các chức vụ như Kawamura là Tham Mưu Trưởng cho tướng Matchijiri, Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật tại Đông Dương; Minoda là Trưởng phái bộ quân đội Nhật tại Hà Nội; còn Matsushita là Giám đốc hãng Đại Nam Koosi được xem như tổ chức gián điệp ở Đông Dương.

Matsushita vốn có quen biết Cường Để trong thời gian ông tại Nhật, nên con đường đã dọn sẵn là họ tìm cách liên hệ với giáo phái Cao Đài lẽ cố nhiên với Tây Ninh. Người Pháp biết rõ sự kiện này nên đã cho tù đầy những lãnh tụ của Tây Ninh trong đó có ông Phạm công Tắc sang đảo Comores^{1.23} mùa xuân 1941. Tháng 5/1941, ông Huỳnh phú Sổ, thủ lĩnh của Hòa Hảo bị đưa vào bệnh viện Chợ Quán và sau đó bị quản thúc tại Bạc Liêu.

Cuộc chiến Pháp Nhật càng thấy rõ hơn khi có chiến binh Nhật (*Kempéitei*) đến Đông Dương hành sự trực tiếp dưới quyền của Thiên hoàng từ tháng 12/1941. Theo sau các cuộc khủng bố lưu đầy những lãnh tụ giáo phái trên, chính quyền Pháp còn

1.21 Sureté générale en sureté fédérale.

1.22 Societe de la Grande Asie.

1.23 Madagascar - Phi châu.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

theo dõi một số thanh niên chống Pháp, những người này được quân đội Nhật che chở nên không bị bắt, cả đến ông Huỳnh phú Sổ, trên đường bị Pháp đưa sang đây bên Ai Lao cũng được quân Nhật giải cứu bằng cách giải thoát ông này khỏi Bạc Liêu và đem về Sài Gòn.

Riêng về phía Cao Đài giáo thì sau cuộc an trí ông Phạm công Tắc, Thánh Thất Kim Biên tại Cao Miên bị đóng cửa mùa thu năm 1942. Quân Nhật lúc bấy giờ lại nhắm vào Trần văn Ân, nhà chính trị phạm chống Pháp vừa mới từ trại an trí Bà Rá về được đặc biệt chú ý với tư cách là đảng viên Đảng Lập Hiến. Thế là Trần văn Ân thành lập một đảng lấy tên là đảng Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh, suy tôn lãnh tụ Cường Để đang ở Nhật từ mùa thu 1942. Vài tuần sau, quân đội Nhật lại tìm ra một tín hữu Cao Đài vốn có liên hệ với họ từ trước, ông Trần quang Vinh, đương là chức sắc của Hội Thánh Kim Biên. Thế là Trần quang Vinh, liên kết với Trần văn Ân vào tháng 5/1943 trong Việt Nam Phục Quốc và những tổ chức khác dưới sự đỡ đầu của Nhật Bản ra đời như Đại Việt Cách Mạng, Đại Việt Quốc Dân, Thanh Niên Ái Quốc Đoàn của Võ văn Cầm và Quốc Xã. Các cuộc khủng bố của quân Pháp càng ráo riết bằng mật vụ nhưng đều bị Nhật ra mặt binh vực và che đậy. Từ Đông Kinh có lệnh tìm các nhân vật trí thức có uy tín chính trị tại Việt Nam như Trần trọng Kim, Nguyễn tường Long, bác sĩ Trần văn Lai và Ngô đình Diệm. Mật vụ theo dõi ráo riết nên Trần văn Ân phải lánh sang Đài Loan (10/1943), Trần trọng Kim được đưa sang Singapore với Nguyễn văn Sâm, một đảng viên Phục Quốc. Ngô đình Diệm ở Huế cũng nhờ Nhật bảo vệ. Nhưng từ 1944, do những mật đàm giữa Pháp với Đông Kinh, Nhật Bản lại bắt đầu thanh lọc các hàng ngũ Việt Nam đi theo họ. Do đó, nhiều vụ khủng bố bắt bớ các đảng viên chính trị xảy ra do mật vụ Pháp, nhất là Phục Quốc và Đại Việt. Một cơ sở đảng Phục Quốc bị tiêu hủy tháng 10/1944.

Thế là, không khí ảm ỉ sôi sục tại miền Nam cũng như miền Bắc, nhất là ở Sài Gòn, người dân Việt như đang chờ một cái gì, trong khi đó thì các tin đồn Đức bại trận, Hoa Kỳ đến Phi Luật Tân, vẫn như những vang vọng không may, khiến người Nhật phải ra tay, dù kết quả đến đâu!

Trong thời gian này, đảng cộng sản Đông Dương hình như im hơi lặng tiếng bởi họ chờ lệnh của Kremlin. Lại nữa, thời bấy giờ, Nga Xô lại phải đương đầu với trận thế chiến hai, tuy về sau nhờ áp lực của Đồng minh Âu châu đã thành công trong mưu đồ giải phóng xứ sở của họ nhưng buổi đầu phải đi tản kháng chiến bằng những cuộc tiêu thổ kinh hoàng. Khi chiến trận đổi khác thì tình hình chính trị cũng khác theo, và lúc thoáng thấy có sự thất bại của phe Trục, đảng cộng sản Đông Dương do Nguyễn ái Quốc^{1.24} đã kêu gọi dân chúng Bắc kỳ thành lập một mặt trận gọi là Việt minh^{1.25} tháng 9/1941, bề ngoài gọi là liên kết tất cả các đảng phái cách mạng dân tộc, mà bên

1.24 Núp dưới danh Hồ chí Minh từ nhà lao Li-u Châu.

1.25 Do chữ Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội mà trước đó cụ Ngụy-n hải Thần là Chủ tịch, sau này Ngụy-n ái Quốc lạm dụng để tránh lốt cộng sản của mình và đổi tên là Hồ chí Minh - xin xem sau.

Đông Tân

trong chỉ có những người cộng sản đệ tam hoạt động mà thôi. Ngày 25/10/1941, Việt minh có được tuyên ngôn lần đầu tiên với tiêu đề: "*Thống nhất các thành phần xã hội, các tổ chức cách mạng, các dân tộc thiểu số, liên kết với tất cả dân tộc bị áp bức khác ở Đông Dương, hợp tất cả các phần tử chống thực dân Pháp và phát xít Nhật nhằm một mục đích: tiêu diệt chế độ thực dân và đế quốc phát xít.*"

Một hội nghị tại Thiểm Tây (*Tsimtsi*) cách Cao Bằng 100 km gồm các nhân vật hàng đầu: Nguyễn ái Quốc, Hồ tùng Mậu, Võ nguyên Giáp, Phạm văn Đồng, Hà bá Cang, Đặng xuân Khu... đã khởi động lại cái gọi là mặt trận thống nhất các dân tộc Đông Dương chống đế quốc đã thành lập năm 1939, đúng hơn là Việt minh theo danh xưng, nhưng mặt trận này bị chính phủ Trung Hoa lên án và chính quyền Tưởng giới Thạch đã bắt giam Nguyễn ái Quốc tại Liễu Châu (*Liou Tcheou*) đầu 1942. Đảng Việt minh không thể đương đầu với Trung Hoa bởi chỉ hữ danh vô thực, nhưng mọi việc do Phạm văn Đồng đảm trách.

Mặt khác, chính phủ Trung Hoa cũng rất ngại về việc quân đội Nhật sẽ khai thác các đoàn thể cách mạng để chống lại họ. Thế là chính phủ Tưởng giới Thạch hướng mũi dùi về các tỉnh biên giới, nơi đó đang còn lẫn lút các tàn quân của Việt Nam Quốc Dân Đảng từ Yên Bái với thủ lĩnh là Vũ hồng Khanh đang mật thiết liên kết với Quốc Dân Đảng Trung Hoa, đồng thời có hàng ngàn đảng viên Phục Quốc từ Lạng Sơn qua từ 1940 dưới quyền của tướng Hoàng Lương.

Lúc bấy giờ, cụ Nguyễn hải Thần^{1.26} đồng chí của cụ Phan bội Châu, từ năm 1906 đã tham gia các cuộc khởi nghĩa ở Bắc kỳ từ 1907 - 1909 và lưu vong sang Tàu năm 1912. Cụ thường sống ở Quảng Đông, cố gắng qui tụ số thanh niên cách mạng nhưng không thành công mấy. Cụ giao hảo rất thân với Quốc Dân Đảng Trung Hoa và nhất là Tổng đốc Chiang Fa Kwei, có ý khuyên chính phủ Tưởng Giới Thạch qui tụ họ lại. Thế là theo chỉ thị của chính phủ Trung Hoa, Tổng đốc Kwei đã cho triệu tập một đại hội các tổ chức cách mạng Việt Nam tại Liễu Châu ngày 4/10/1942 gồm có Việt Nam Quốc Dân Đảng, Phục Quốc và 7 nhóm chính trị khác để thành lập Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội dưới quyền lãnh đạo của cụ Nguyễn hải Thần. Đồng thời, có khoảng 500 thanh niên Việt Nam được triệu tập để theo học quân sự tại Daikien gần Liễu Châu do tướng Siao Wen và một số chuyên viên Đông Dương, sau đó họ ra trường tại võ trường Nam Ninh. Người Trung Hoa sở dĩ có sự giúp đỡ các nhóm chính trị lưu vong này là để lợi dụng họ vào việc chống Pháp và Nhật tại Đông Dương chứ thật tình họ cũng không thân thiện gì với Việt Nam. Các nhà chính trị Việt Nam thừa biết điều đó nhưng thế lực rời rạc và còn nghi ngờ sự giúp đỡ của chính phủ Trùng Khánh đối với những người Việt Nam yêu nước, khiến cho tổ chức này khó bề tiến triển theo chiều hướng đã định.

Trong khi đó, Nguyễn ái Quốc đang bị giam trong nhà lao Liễu Châu, qua những báo cáo của đồng bọn đã thấu hiểu hết những sự việc xảy ra. Và từ nhà giam

1.26 Sinh tại Bắc Việt năm 1878.

ông ta đã đưa thư, tin cho tướng Chiang Fa Kwei biết nếu ông này chịu tha ông ta sẽ tổ chức một mạng lưới gián điệp tại Bắc Việt hoàn toàn hoạt động cho Trung quốc với kết quả tốt. Tướng Fa Kwei bị quyến rũ (*séduit*) nhưng cái tên Nguyễn ái Quốc cộng sản có thể khiến cho chính phủ Trùng Khánh từ chối. Muốn giải quyết vấn đề, một lần nữa, Nguyễn ái Quốc với tên trước là Nguyễn tất Thành đã đổi tên là Hồ chí Minh từ đó. Fa Kwei thông báo việc này lên Tưởng giới Thạch và được chấp thuận bởi cái tên Hồ chí Minh không ai biết tới cả. Thế là Hồ chí Minh được ra khỏi ngục và được đề cử làm Đảng trưởng đảng Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội tháng 2/1943, đồng thời còn lãnh luôn số 100.000 tiền Tàu mà trước đó của cụ Nguyễn hải Thần.

Nguyên văn như sau: “*Dans sa prison, Nguyễn ái Quốc a appris les ennuis des Chinois. Il fait savoir à Chiang Fa kwei que s’il accepte de le libérer, il réorganiserait pour le compte chinois le réseau d’espionnage au Tonkin. Chiang Fa kwei est séduit: mais la réputation de communisme de Nguyen ai Quốc est susceptible de provoquer le refus de Chungking. Pour résoudre la question, Nguyen ai Quốc décide, une fois de plus, de changer de nom. Il s’appellera désormais Hồ chí Minh (=celui qui éclaire). Et Chiang Fa kwei informe Chiang Kai shek qu’il a à sa disposition un militant révolutionnaire annamite très capable, qui s’offre à diriger l’espionnage et l’agitation en Indochine Hồ chí Minh? Tout le monde ignore ce nom à Chungking. Le gouvernement chinois accepte. Libéré, Hồ chí Minh est nommé officiellement chef du “Việt Nam Cách Mênh Đông Minh hội” (février 1943). Il recevra désormais les CN\$ 100.000 par mois attribués jusque-là à Nguyễn hai Thân.*^{1,27}

Đó là một đòn đau cho Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội và cũng là một cơ hội phồng tay trên đắc ý của đảng cộng sản Đông Dương vốn đã hoạt động theo chỉ thị của điện Kremlin, nay lại nhận thêm chỉ thị của chính phủ Tưởng giới Thạch mặc tình làm mưa gió và nhiễu loạn hàng ngũ các đảng phái quốc gia, vì họ đã quen làm công cụ cho ngoại bang! Thật là một thủ đoạn bịp bợm chuyên nghiệp theo đường lối đê tam quốc tế không còn biết đạo đức nhân nghĩa là gì!

Lúc bấy giờ, Pháp có một ủy ban gọi là Ủy ban giải phóng Alger theo phe De Gaulle tại Côn Minh (*Kunming*) với tư cách đồng minh với quân đội Trung Hoa trong mặt trận chống Nhật Bản tại Á châu. Ủy ban này bám sát mọi hành động của Hồ chí Minh qua những hành động giết chóc các miền biên giới vô cùng khùng khiếp để phô trương lực lượng của mình, trong đó có tên thổ Chu văn Tấn tham gia các hoạt động này. Tấn vốn dẫn đầu một lực lượng chống Pháp miệt Cao Bằng trước đó trong hàng ngũ quốc gia, khi gặp Hồ chí Minh thì mới có 32 tuổi.

Tuy nhiên, không có gì gọi là bí mật về mặt chính trị. Cho nên, tông tích Hồ chí Minh rồi cũng bị phát giác, và chính quyền Trung Hoa không thể nuôi dưỡng một tổ chức có thể nuôi ong tay áo nên từ 25 - 28/7/1944, cũng tại Liễu Châu, một đại hội dưới quyền bảo hộ của tướng Chaing Fa Kwei, lãnh tụ các đảng cách mạng Việt Nam

1.27 Theo P. Devillers. Histoire du Viet Nam de 1940 à 1952. Éditions du seuil, trang 105.

gặp nhau. Phía Cách Mạng Đồng Minh có 7 đại biểu trong đó Nguyễn hải Thần, Vũ hồng Khanh, Trương bội Công, Trương tử Phòng, Nghiêm kế Tổ. Thủ trưởng Việt Nam Mặt Trận Giải Phóng tại Vân Nam là Lê tùng Sơn. Đại diện Phục Quốc có Bồ xuân Luật và Trần đình Quyên. Những nhân vật quan trọng có Nguyễn tường Tam,^{1,28} Nguyễn thành Đồng, Hồ đức Thanh, cuối cùng là Hồ chí Minh và Phạm văn Đồng. Thế là dù muốn dù không, một chính phủ dân chủ lâm thời thành lập để "*giải phóng đất nước Việt Nam*" do cụ Trương bội Công làm chủ tịch, bên cạnh có Nguyễn hải Thần, Vũ hồng Khanh, Hồ chí Minh, Lê tùng Sơn, Bồ xuân Luật và Nghiêm kế Tổ.

Nhưng đây là một chính phủ bù nhìn chỉ có trên giấy tờ rồi tự nhiên biến mất sau đó, làm cái bình phong cho Việt minh thao túng về mặt nổi với chính quyền Trung Hoa trong mưu đồ chống Pháp để mạnh thế chư hầu của Liên Xô, và bí mật thiết lập hàng ngũ qua các võ trường Trung Hoa để tạo cơ sở du kích, vũ khí chiến đấu, nhưng trên hết vẫn tuân thủ kế hoạch của Staline với chiêu bài "*giải phóng toàn thế giới*".

Cuối tháng 10/1944, Hồ chí Minh vượt biên giới trở về Việt Nam với vài trăm du kích Việt xuất thân từ Hoàng Phố đã gây kinh hoàng ở các tỉnh biên giới với sự cộng tác và hộ vệ đặc lực của Chu văn Tấn bên cạnh Hồ chí Minh. Pháp quyết định phản công các cứ điểm của Việt minh nhưng kế hoạch phải chờ đến ngày 12/3 mới ra quân thì ngày 9/3/45 đã làm đảo lộn tất cả.

Về phía Pháp, thế chiến thứ II kết liễu đem lại ưu thế cho tướng De Gaulle trong việc giành lại Đông Dương từ tay Nhật.

Tháng 6/1943, một Ủy ban Giải Phóng Quốc Gia Pháp được thành lập tại Alger. Tướng giới Thạch trước đây đã thông giao với chính phủ Pétain (*Vichy*) nay lại bắt tay với De Gaulle (*tháng 10/43*). Sự kiện không chờ đến khi Nhật thất trận mà họ mưu sự tấn công trước. Đến ngày 6/7/1944, tướng Langdale nhảy dù xuống Lạng Sơn và đến Hà Nội, cũng từ đó Decoux nhận chỉ thị của De Gaulle về mọi đối phó tình hình. Một hội đồng Đông Dương được thành lập thay cho quyền hạn Toàn quyền dù rằng Decoux vẫn là chủ tịch.

Về phía Nhật Bản, kể từ cuộc đổ bộ của Mac Arthur lên Phi Luật Tân, Matsumoto thay cho Yoshizawa làm đại sứ Nhật Bản ở Đông Dương và chức Tổng Tư lệnh Quân đội Nhật tại Đông Dương được chuyển từ tướng Machijiri thay tướng Taushihashi. Thế là hai bên tính chuyện với nhau. Bên phía Pháp, tướng Mordant cũng mưu đồ những chuyển động quân sự chờ tiếp ứng với lực lượng Đồng minh đổ bộ vào Việt Nam. Bên Phía Nhật Bản thì tính chuyện loại quân Pháp ra khỏi vòng chiến đấu nếu có sự đụng độ với Đồng minh sau này!

Thế là vào lúc 20 giờ ngày 9/3/1945, Đại sứ Matsumoto gửi một tối hậu thư cho Decoux tại Dinh Toàn quyền Sài Gòn đòi đặt toàn bộ quân đội Pháp dưới quyền chỉ huy của Nhật Hoàng và đòi hỏi này phải được tức tốc thi hành. Trong đêm đó, quân

1.28 Vừa trốn khỏi Việt Nam để tránh mặt vụ của Pháp.

đội Nhật làm chủ tình hình không gặp trở ngại vì quân đội Pháp trở tay không kịp. Còn ở Huế và Hà Nội thì quân Pháp có biết trước ít nhiều, nhưng cũng phải đầu hàng sau mấy giờ chiến đấu. Trong vòng 24 tiếng đồng hồ, toàn quân Pháp ở Đông Dương bị loại ngoài vòng chiến. Tướng Mordant và phụ tá của ông Aymé bị bắt giam, một vài đơn vị đào thoát qua ngã Lào. Còn ở Bắc, vài ngàn quân ở dinh Toàn quyền của tướng Sabatin và Alessandri tẩu tán qua Trung Hoa!

Thế là sáng sớm ngày 10/3, nhiều người Việt không khỏi ngạc nhiên khi thấy "*từ thân thể Việt, cái đầu Pháp bị cắt đi.*"^{1.29} Chỉ cần một đêm thôi cũng đủ chín mùi sự đoạn tuyệt của một Việt Nam mới với một Việt Nam cũ!

1.7 VIỆT NAM SAU BIẾN CỐ 9/3/1945

Trước sự thiếu hụt về nhân số, quân đội Nhật không có cách gì khác hơn là giữ nguyên nhân sự hành chánh cũ, riêng các cấp tỉnh thì được thay bằng những quan Việt từ các cấp dưới đôn lên như ở miền Nam.

Tại Huế, Hoàng đế Bảo Đại vừa trở về sau một cuộc đi săn vào chiều ngày 9/3 và bị quân đội Nhật giữ lại cho đến sáng hôm sau mới trả ông về điện, trong khi một sĩ quan Nhật cấp úy cho nhà vua biết là nước Việt Nam đã được độc lập và nhà vua phải đích thân tuyên bố như vậy trước quốc dân. Quân đội Nhật cũng tuyên bố với Phạm Quỳnh và các quan Lục bộ ở triều đình Huế những điều cần thiết trước tình hình. Và buổi chiều, khi đại sứ Yokoyama đến điện Kiến Trung để yêu cầu Bảo Đại nhận sự hợp tác từ nay với Nhật hoàng để "*kiến thiết nền Đại Đông Á*", Bảo Đại và Phạm Quỳnh mới biết được tình thế mới!

Ngày 12/3, toàn Viện Cơ Mật (*Nội Các*) ở triều đình Huế, ra thông báo với toàn dân sự kiện trên. Tin đồn có sự lập vị của Cường Để hiện còn tại Nhật, nhưng trong thâm ý của ngoại bang thì một vị vua để bảo cũng hơn, nên không thấy có gì lạ ngoài sự từ chức toàn bộ nội các của Phạm Quỳnh với sự chấp thuận của Bảo Đại ngày 19/3. Thế là một nội các mới phải được thành lập. Lúc đầu, Ngô đình Diệm được đề ra nhưng vì đố kỵ với Bảo Đại nên không thành. Cho mãi đến ngày 17/3, nội các Trần trọng Kim mới thành hình với thành phần có trình độ tiếng Pháp khá cao!

Tại miền Bắc, Phan kế Toại được cử làm Khâm sai Bắc kỳ vào tháng 3/1945. Đến tháng 7/1945 các nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng được trả lại. Pháp hẹn đến ngày 15/8 sẽ chuyển nhượng tất cả các cơ sở ở dinh Toàn quyền.

Trong khi đó tại miền Nam, các phong trào lục đục nổi dậy. Ngày 16/3 Phục Quốc ra mắt, Cao Đài với Trần quang Vinh, Việt Nam Quốc Gia Độc Lập với Hồ văn Ngà... Tất cả kêu gọi dân chúng Sài Gòn tham gia một cuộc biểu tình, nhưng quân đội Nhật sợ có biến động nên đã ngăn cản vào giờ chót.

1.29 Du corps vietnamien, la tête française est coupée - nói theo một quan sát viên Pháp.

Lúc bấy giờ, trên mặt trận quốc tế, sự can thiệp của Đồng minh ngày càng gia tăng. Máy bay Mỹ bắt đầu oanh tạc từ 1943 do các chiến đoàn X và XIV US Air Forces. Sự oanh tạc ngày càng tăng lên các cứ điểm chiến lược trên toàn cõi Việt Nam. Cuộc chiến càng âm ỉ, người dân càng ngơ ngác bởi miếng độc lập tuy ngon nhưng càng nuốt vào càng thấy cay đắng.

Về phía Nhật Bản thì ba kỳ có ba võ quan điều khiển guồng máy cai trị thay thế người Pháp: ở Nam kỳ có Minoda, ở Trung kỳ có Yokoyama và ở Bắc kỳ có Tsukamoto, nên nhìn về phía chính quyền bảo hộ cũ có thể xem những võ quan này thay cho ba chức Khâm sứ và Thống sứ của Pháp để cai trị nước Việt Nam. Và thế là giai đoạn Pháp thuộc đến đây là chấm dứt để thay vào đó là giai đoạn Nhật thuộc vậy!

1.8 PHONG TRÀO VIỆT MINH VỚI TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ ĐEN TỐI TẠI VIỆT NAM

Những thất bại liên tục của Đức quốc xã ở Âu châu với những lợi thế của tướng De Gaulle trên chính trường Pháp ở Đông Dương đã khiến cho Việt minh xoay sở rất thuận lợi theo kế hoạch của quan thầy ở điện Kremlin. Những cuộc tiếp xúc bí mật giữa Sainteny, một nhân vật kháng chiến Pháp đang được ủy quyền điều động các nhóm tàn quân của Pháp do tướng Alessandri tại Đông Dương với Việt minh đang ở cái thế liên hiệp với Mỹ và Nga, dù rằng những tiếp xúc giữa Việt minh với Pháp.^{1.30}

Tình thế đang khản trương. Ở phía Bắc thì Việt minh đang ngấm ngầm lũng đoạn hàng ngũ quốc gia, hăm dọa các bộ trưởng của chính phủ Trần trọng Kim, làm khiếp sợ Phan kế Toại ở Hà Nội. Ở phía Nam thì các giáo phái như những con cừ non, dù tinh thần yêu nước có cao thật mà tầm mức nhận định thời cuộc như kẻ ngủ say nên không làm gì hơn ngoài những mệnh lệnh khống chế của Nhật hoàng trong những lo âu của cuối mùa chiến cuộc mà tin thất trận khắp nơi như đang gieo rắc hãi hùng! Từng đám thanh niên Nhật xung phong trong các cuộc phản công, đàn kamikazé làm khiếp đảm các chiến hạm Đồng minh trên khắp mặt biển, nhưng đó chỉ là những đẩy nẩy của một mãnh thú sắp bỏ mạng trước địch thủ, chứ không phải là một sự quật khởi kiêu hùng!

Ngày 6/8/1945, quả bom ở Hiroshima kết thúc số phận quân đội Nhật. Thế là ngày 7/8, Hồ chí Minh cải danh hiệu nhóm du kích với chiến lược Hoàng Phố của ông ta thành "*giải phóng quân Việt Nam*" và một đại hội gồm thành phần cộng sản bầu một "*Ủy Ban giải phóng Việt Nam*" với Hồ chí Minh làm chủ tịch. Ngày 10/8/1945, Hồ chí Minh tuyên bố "*tổng khởi nghĩa*"...

Nhưng quân đội Nhật vẫn còn ở thế chủ động và trước khi loan tin Nhật hoàng đầu hàng Đồng minh trên mặt báo, họ đã chuẩn bị sẵn cái thế tạo nên những hỗn loạn để quân đồng minh sẽ phải cực nhọc lập lại ổn định tại đây...

Trong những ngày này, tình hình chính trị tại Việt Nam vô cùng đen tối. Người Việt Nam tuy sống trên đất nước mình nhưng như những khách trong căn nhà trọ đang bị cháy, ù ù cạc cạc có biết làm gì hơn ngoài việc than khóc trước tai họa không may! Tình hình Việt Nam không như tình hình Nga số năm 1917, nhưng độ cuối mùa trận thế chiến thứ I đã đưa đến những kinh nghiệm đẫm máu cho dân tộc Việt Nam vào độ cuối mùa của đệ nhị thế chiến! Việt minh đã được quan thầy truyền dạy những bài học kinh nghiệm ở mẫu quốc về những thủ đoạn làm khiếp đảm quần chúng và lợi dụng chỗ sơ hở của các thành phần quốc gia để thu lợi cho phe đảng mình. Và cuộc cách mạng tháng 8/1945 ở Việt Nam có cái đặc tính của một cuộc cách mạng tháng 10/1917 ở Nga là những trò ảo thuật ly kỳ đố. Nhưng cũng nên biết trong giai đoạn này, Việt minh và Nhật lại có những giao thương mặc cả ngấm ngầm, về phía Nhật thì chỉ với mục đích tạo nên một tình thế rối ren như đã nói trên, nhưng về phía Việt minh thì thật sự là mưu sự khủng bố các đoàn thể quốc gia để giành quyền ưu thế về cho phe mình, không cần biết Tổ quốc là gì bởi quan thầy tam vô đã dạy họ như thế!

Ngày 16/8, theo các điều khoản đã định, quân Nhật trao quyền cho Khâm sai Phan Kế Toại và thả tù nhân chính trị và cũng do bọn này, các kho vũ khí được mở ra trao cho cán bộ Việt minh.

Trong buổi sáng ngày 17/8, khi quốc hội lâm thời của Bắc Việt nhóm tại tòa Khâm sứ thì cuộc biểu tình bắt đầu. Vào xế chiều, theo tiếng gọi của Ủy ban Trung ương, các công nhân viên chức ở Hà Nội gồm 20000 người biểu tình trước Nhà Hát lớn. Lần đầu tiên mặt trận Việt minh xuất đầu lộ diện.^{1.30} Các cán bộ cộng sản nhảy lên bao lơn nhà hát kéo lá quốc kỳ màu vàng ba sọc đỏ của Việt Nam xuống, rồi kéo cờ máu đỏ sao vàng tôi đòi của cộng sản lên thay! Đám người ngơ ngác nào biết chuyện gì xảy ra và gốc gác của lá cờ này ra sao, nhưng mọi người chỉ biết nhìn nhau không nói, về phía Nhật thì án binh bất động... Nhưng một sự lạ là lá cờ này tự nhiên hiện diện cùng khắp các cơ sở lớn tại thành phố...

Ngày 18/8 lại càng dữ dội hơn: khắp các đường phố đầy truyền đơn biểu ngữ và nhiều người la ó. Phan Kế Toại run sợ và không còn cách gì là trao quyền hành lại cho Ủy ban lãnh đạo lâm thời của Việt minh!

Ngày 19/8, các tay lãnh tụ đảng phái quốc gia tan biến, chỉ còn là Việt minh, nhiều cuộc tấn công vũ trang của Việt minh vẫn không làm cho người Nhật phản đối. Và chỉ sau vài giờ mặc cả, quân Nhật đã trao khí giới của quân trấn thủ Đông Dương (*garde indochinoise*) cho Việt minh.

Việc cướp chính quyền ở Hà Nội kéo dài đến ngày 21/8 và có điện tín đến Huế. Tại Huế, nội các Trần trọng Kim vì nhiều khó khăn trước tình thế đã từ chức ngày 7/8, nhưng Bảo Đại yêu cầu xử lý tạm thời. Ngày 16/8, Thủ tướng Trần trọng Kim xác định

1.30 Tức giữa Hồ chí Minh với Sainteny-Pignon vào tháng 7/1945 vẫn còn đang mặc cả về một kế hoạch thực hiện Indochine française future, nghĩa là "một Đông Dương thuộc Pháp tương lai".

1.31 Cách thức không khác mấy so với tấn trò của cộng sản Nga tại Moscou năm 1917.

lập trường tranh thủ độc lập đã có từ ngày 9/3 của ông với lập luận: "*Nhân dân Việt Nam không chịu trở lại dưới chế độ người Pháp, bởi họ đã đau khổ quá nhiều*", và ông kêu gọi các đảng phái quốc gia hãy đoàn kết để chiến đấu cho nền độc lập đất nước.

Ngày 18/8, ông thành lập một Ủy ban cứu quốc, tổ hợp các đảng phái quốc gia để chiến đấu cho nền độc lập Tổ quốc. Mục đích của ông là kêu gọi các cường quốc đồng minh hãy thừa nhận nền độc lập của Việt Nam. Do lời khuyên của Bộ trưởng Ngoại giao Trần văn Chương, Bảo Đại gửi cho Tổng thống Truman, Nữ hoàng Anh quốc, Thống chế Tưởng giới Thạch và tướng De Gaulle bản văn như sau:^{1.32}

"Tôi kêu gọi đến nhân dân Pháp quốc, xứ sở mà tôi đã sống thời thanh niên. Tôi cũng kêu gọi vị thủ lãnh và người giải phóng đất Pháp, và tôi muốn nói chuyện với tư cách một người bạn hơn là một Quốc Trưởng.

Quý quốc đã vô cùng đau khổ trong 4 năm chết chóc để cần hiểu rằng nhân dân Việt Nam, trải qua 20 thế kỷ lịch sử và một quá khứ thường vẻ vang, đã không còn muốn, không còn thể chịu đựng được bất cứ một nền đô hộ hay một nền cai trị nào của ngoại bang nữa.

Như thế quý vị còn hiểu nhiều hơn nếu quý vị có thể nhìn thấy những gì đã xảy ra nơi đây, nếu quý vị cũng có thể cảm biết ý chí độc lập này đang được cưu mang trong mỗi tâm hồn người Việt và không một sức mạnh, nhân lực nào có thể dồn nén nó được. Cả đến nếu quý vị có thể thành công trong việc đặt lại một nền thống trị Pháp tại đây thì chắc người dân sẽ không nghe theo: mỗi làng sẽ là một ổ chiến đấu, mỗi cộng sự viên cũ của quý vị là một quân thù, và cả những công chức và những kiều dân quý quốc cũng chỉ đòi hỏi được ra khỏi bầu không khí khó thở trước đây!

Tôi xin quý vị hiểu cho rằng cái phương tiện duy nhất để cứu vãn quyền lợi và ảnh hưởng tinh thần của nước Pháp tại Đông Dương là một sự công nhận chủ quyền độc lập của Việt Nam và từ bỏ mọi ý định tái lập chủ quyền thuộc địa tại đây hay một nền cai trị của Pháp dưới bất cứ một hình thức nào.

Được vậy, chúng tôi sẽ cảm thông và sẽ trở thành những người bạn của quý vị nếu quý vị chấm dứt cái ý muốn làm chủ chúng tôi một lần nữa. Kêu gọi đến thuyết lý tưởng rất quen thuộc của nhân dân Pháp và sự khôn ngoan vô lượng của Quốc Trưởng Pháp, chúng tôi hy vọng rằng nền hòa bình và niềm vui sướng đã vang vọng ở các dân tộc trên thế giới cũng sẽ được bảo đảm đồng đều cho cả mọi tầng lớp nhân dân bản xứ cũng như ngoại quốc tại Đông Dương.

Bảo Đại"

Tin đồn từ Hà Nội đến Huế rằng Việt minh do quân đội Đồng minh đỡ đầu đã nhận sự độc lập của Việt Nam do họ hứa trả. Ban đầu, Bảo Đại định giao cho Việt

1.32 Bản văn này có đăng trong Việt Nam Tân Báo tại Huế ngày 20/8/1945, bài trên đây do Đông Tân dịch từ Pháp ngữ trong sách Histoire du Viet Nam de 1940 à 1952 của Philippe Devillers tái bản lần 3 trang 138.

minh thành lập Nội các thay Nội các Trần trọng Kim. Nhưng một bức điện văn từ Hà Nội buộc nhà vua phải thoái vị. Do một số cận thần nhất là Phạm khắc Hộc, Bảo Đại đành nhượng bộ.

Ngày 24/8, viện Cơ Mật loan tin nhà vua chịu thoái vị để khởi trở ngại cho việc xây dựng độc lập quốc gia. Ông cũng mong Việt minh đến Huế càng sớm để việc chuyển nhượng quyền hành mau thực hiện.

Ngày 25/8, hai đại diện của Việt minh là Trần huy Liệu, Phó chủ tịch Ủy ban giải phóng và Cù huy Cận đến Huế. Không có gì xảy ra nhưng chế độ quân chủ biến mất. Bảo Đại trao ấn tín và trong khi lá cờ đỏ được kéo lên trên trụ cột ở Hoàng cung, văn kiện thoái vị được ký nguyên bản^{1.33} như sau:

"Hạnh phúc thay cho dân tộc Việt Nam!

Nền độc lập của quốc gia Việt Nam!

Muốn đạt được mục tiêu đó, tôi đã tuyên bố sẵn sàng trước mọi hy sinh và mong mỗi rằng những sự hy sinh của tôi phải có ích lợi cho Tổ quốc.

Nghĩ rằng sự đoàn kết dân tộc trong giờ phút này là một cần thiết cho Tổ quốc, tôi xin nhắc lại ngày 22/8 đã tuyên cáo quốc dân: "Trong giờ phút quyết định của lịch sử đất nước, sự đoàn kết có nghĩa là sự sống và chia rẽ là chết!"

Nhìn thấy đà dân chủ mạnh mẽ đã tiến triển nơi miền Bắc của vương quốc chúng ta, tôi e ngại rằng một sự xô xát có thể xảy ra giữa Bắc và Nam sẽ không tránh khỏi nếu tôi chờ cho có một quốc hội được khai mở để quyết định vận mạng của đất nước chúng ta. Tôi biết rằng sự xô xát này nếu xảy ra sẽ đắm chìm cả dân tộc ta trong sự khốn khổ và kẻ thù sẽ dễ thủ lợi.

Tôi không thể không ghi nhớ trong bù ngùi thương cảm khi tưởng đến Tổ Tiên vinh quang đã chiến đấu kiên quyết suốt 400 năm để mở mang đất nước chúng ta từ Thuận Hóa đến Hà Tiên. Tôi không thể ngăn được một cảm nghĩ luyến tiếc khi tưởng lại 20 năm triều đại trong đó chúng tôi đã không thể làm được gì để đóng góp hữu hiệu cho đất nước.

Mặc dù vậy, và mạnh dạn trong mọi tin tưởng giữa chúng ta, tôi đã quyết định thoái vị và trao quyền cho chính phủ dân chủ cộng hòa.

Trong khi từ giã ngôi vị, tôi chỉ có 3 nguyện vọng chính:

- 1. Xin chính quyền mới giữ gìn các đền đài và các lăng tẩm,*
- 2. Đòi hỏi chính phủ mới nên đối xử huynh đệ với các đảng phái quốc gia đã đấu tranh cho độc lập xứ sở cho dù không theo sát phong trào nhân dân, điều đó để có thể chia sẻ sự phục hưng đất nước và cũng để chứng tỏ rằng chính phủ mới đã được thiết lập trên nền tảng đoàn kết quốc gia.*

1.33 Dịch từ Pháp ngữ trong sách dẫn thượng.

Đông Tân

3. Xin mời các đảng phái, các cấp xã hội cũng như toàn thể vương tôn hãy đoàn kết lại để làm hậu thuẫn cho chính phủ dân chủ trong mục đích củng cố nền độc lập quốc gia.

Riêng về cá nhân tôi, suốt 20 năm trên ngai, tôi đã cảm biết rất nhiều tân toan tư lự. Kể từ nay, tôi rất lấy làm sung sướng được là một người dân tự do trong một đất nước độc lập. Tôi không muốn bất cứ ai lạm dụng danh nghĩa riêng tôi hay hoàng tộc để gieo rắc sự chia rẽ trong dân chúng.

Việt Nam độc lập muôn năm!

Nền dân chủ cộng hòa muôn năm!

Huế, Điện Kiến Trung ngày 25 tháng 8 năm 1945.

Ký tên,

Bảo Đại"

Thật sự thì người dân đen nào có biết gì về những sự kiện này, chỉ thấy có một phong trào đang lên nhưng không biết từ đâu đã làm cho ai nảy tưởng như mình đang ở trong cơn ác mộng và sự lồi cuồn của ngọn gió kia biết sẽ đưa mình tới đâu.

Trong khi đó thì ở miền Nam, sự thành công của phong trào Việt minh có phần chậm hơn vì không có nhiều ở đây. Vài nhóm mới chỉ do Trần văn Giàu và một đám thanh niên tiền phong do bác sĩ Phạm ngọc Thạch vốn có liên hệ bí mật với cộng sản từ trước.

Quân Nhựt cũng áp dụng kế hoạch ở Sài Gòn tương tự ở Hà Nội: thực hiện việc chuyển giao quyền hành cho người Việt Nam càng sớm càng tốt để họ dễ chống lại người da trắng.

Ngày 14/8, một mặt trận quốc gia thống nhất thành lập trước sự hiện diện của phái bộ Nhựt Bản gồm có Việt Nam độc lập đảng của Hồ văn Ngà, nhóm trí thức, nhóm công chức, Cao Đài, Hòa Hảo, Phục Quốc và nhóm đệ tứ La Lutte. Mặt trận chứng tỏ một lực lượng hùng hậu, nhất là Cao Đài và Thanh niên tiền phong mới được thành lập.

Ngày 16, một Hội đồng nhiếp chánh được thành lập. Quan Khâm sai Nguyễn văn Sâm từ Huế chưa đến nơi, Hồ văn Ngà tự xem là quyền Khâm sai, Trần văn Ân là Chủ tịch Hội đồng Nam kỳ, Thái văn Can là Thị trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn, chính qua những người này mà Nhựt Bản đã trao quyền. Có vài đám biểu tình. Thanh niên tiền phong lợi dụng tình thế để lục lạo các xóm người Âu dưới danh nghĩa là để tìm khí giới. Do đó có những xô xát xảy ra.

Việt minh không có cơ hội xuất đầu lộ diện ra khỏi bóng tối. Bằng những truyền đơn khắp thành phố ngày 21, họ tuyên bố rằng Việt minh là phong trào kháng chiến mạnh nhất do Nga xô, Hoa Kỳ và Trung Hoa, lúc ấy còn Tưởng giới Thạch, hậu thuẫn

trong cuộc chiến đấu chống Pháp và Nhật Bản.

Giữa lúc ấy, hai cánh quốc gia và cộng sản đang chạy đua với nhau. Nguyễn Văn Sâm đến Sài Gòn ngày 19, liên lạc với Tổng Tham Mưu Nhật để tiếp thu khí giới cho phe quốc gia. Việt minh sợ hãi nếu như thế thì không thao túng được chính trường trong khi họ đã thủ lợi được ở Bắc kỳ và Trung kỳ.

Ngày 22, Việt minh đã triệu tập một đại hội với mặt trận quốc gia thống nhất. Họ yêu cầu mặt trận thay đổi danh hiệu, nếu không sẽ bị Đồng minh cho là sản phẩm của Nhật Bản chế tạo. Muốn thế các đảng phái quốc gia phải tự xóa mình bên cạnh mặt trận Việt minh. Để bị lừa dối bởi những lời đường mật, các đảng phái quốc gia đã cho Việt minh toàn quyền gọi là mặt trận quốc gia nói rộng. Họ cứ nghĩ rằng sự thay đổi như thế có lợi cho sự tranh đấu hơn là chỉ để cho cộng sản chỉ có một mình họ mà thôi.

Ngày 25/8, một cuộc biểu tình vĩ đại từ 9 giờ sáng đến 18 giờ đem lại kết quả mong muốn cho tình thế mới. Cuộc biểu tình có nhạc đệm kéo dài trước sự kính ngạc của người Pháp. Lá cờ vàng không còn nữa, thay vào đó là lá cờ của Việt minh. Một Ủy ban hành chánh lâm thời được thành lập tại dinh Toàn quyền. Trong chín nhân vật đã có bảy là cộng sản.

Như thế là ngày 25/8, sau 10 ngày Nhật đầu hàng, Việt minh đã chiếm đoạt chính quyền cả nước, chỉ nhờ sự ám trợ và án binh bất động của quân Nhật mà họ thành công dễ dàng. Nhưng chính phủ lâm thời toàn quyền chưa thành hình và các cán bộ cộng sản học đòi theo kế hoạch Nga xô đang diễn tuồng khắp nơi với mục đích làm cho dân chúng khiếp sợ cái uy lực của họ, dù có hay không, cũng đã xuất hiện từ bóng tối như những hình ma bóng quỷ không chừa một thủ đoạn nào để thành công cái sách lược dĩ dân trị dân của họ.

Trong thời gian này, cộng sản đã dùng đủ thủ đoạn giết người dựa theo tà kế của quan thầy ngoại bang nên từ Nam chí Bắc, nơi đâu cũng bày trò máu đổ thịt rơi mà nạn nhân là những thành phần quốc gia nhất là tín đồ Cao Đài mà họ xem như là thành phần phản động đáng sợ nhất, điển hình là vụ thảm sát tại Quảng Ngãi mà số nạn nhân có đến hàng vạn người do mặt lệnh của các tay cộng sản gian ác Hồ chí Minh, Võ nguyên Giáp và Phạm văn Đồng...

Nghe đâu, ngày 21/8, Hồ chí Minh đến Huế, nhưng còn ở nhà một đảng viên. Ông ta còn chờ sự thanh toán số phận của quân đội Nhật do Đồng minh quyết định và sự khuất phục của dân chúng với các phong trào uy hiếp các nơi. Nhưng dù sao, ngày 28/8, một chính phủ lâm thời cũng đã thành hình với thành phần toàn cộng sản, trên chót là Hồ chí Minh, vừa chủ tịch kiêm ngoại giao... Ít lâu sau, Bảo Đại trở thành công dân Vĩnh Thụy được cử Cố vấn tối cao của chính phủ, một địa vị hữu danh vô thực nhưng không có không được.

Ngày 2/9/1945, chính phủ Hồ chí Minh long trọng tuyên ngôn nền độc lập Việt Nam với chính thể dân chủ cộng hòa?! Cái mánh khoé lừa gạt đã còn ghi rõ sự phỉnh gạt dân chúng ngay từ khi cộng sản cướp chính quyền là bản tuyên ngôn đã đánh cắp câu mở đầu trong bản tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ và một phần của bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1791! Có kẻ cho rằng trong giai đoạn này đã có sự hiện diện của người Hoa Kỳ bên cạnh cố vấn soạn thảo bản văn này cho được lòng bọn họ chăng? Những lời sau thì mạnh mẽ quyết liệt hơn, nhất là mũi dùi chĩa về phía Pháp, do Việt minh đã nhận lệnh của điện Kremlin nhưng giấu nhẹm chuyện này. Đó mới là trò quỷ quyết mà lịch sử không thể che đậy được với các thế hệ sau này. Bằng cố vào ngày 11/11/1945, một đại hội cộng sản Đông Dương đưa ra nghị quyết chính: "*Đảng cộng sản sẽ tóm thu riêng cho họ mọi quyền điều động mặt trận Việt minh...*" Thật là mĩa mai thay cho cái danh từ cách mạng của bọn này, chỉ biết quyền lợi của một phe đảng, mặc kệ quyền lợi quốc gia và dân tộc.^{1,34}

Soạn giả xin tạm dừng lại đây, phần bối cảnh lịch sử quốc gia Việt Nam đương thời là cái nơi của Cao Đài giáo với chi tiết đầy đủ xác thực như trên để chư tôn độc giả biết được tình thế sôi động của mảnh đất Việt Nam này từ trước và sau sự xuất hiện của Cao Đài giáo, không quá 1/2 thế kỷ để nhận định rõ một sức mạnh phi thường của đạo lý muôn đời bất chấp những nghiệt ngã của thế gian làm chướng ngại trên bước tiến cải thiện xã hội và nhân tâm.

Chư tôn độc giả sẽ còn dịp tìm biết sau đây những diễn xuất thời cuộc mà người dân Việt và người tín hữu Cao Đài đang cùng một hiện tượng sống trong mọi khắc khoải lo âu bởi hai chữ độc lập như một hình ma khi ẩn khi hiện trước sự tò mò của những người yếu bóng vía. Và dù ở thời điểm nào, người tín hữu Cao Đài cũng đã sống với một nội tâm kiên trì và rộng mở để đón nhận tất cả những thúc phược và giày vò với mình được xem như là cơ thử thách để tấn hóa vậy.

Mong rằng những chương sau đây sẽ làm cho quý độc giả quên đi những đốn đau ê chề từng lúc khắc khoải trong tâm trạng của người công dân Việt Nam của giai đoạn lịch sử từ độc lập giả hiệu được ghi trong một bối cảnh này mà Thánh ngôn Cao Đài đã có dạy từ 1940:

*"...Lần tay tính lại 5, 3, 9 (tức là 9/3/45)
Mới thấy điềm may giống Lạc Hồng!"*

Phải chăng chính cõi Vô hình cũng lo cho người dân Việt được thấy nền độc lập của xứ sở mình, nhưng trong thời gian này mới chỉ là một điềm may chứ chưa phải là sự thực vậy.

1.34 Giai đoạn lịch sử trên đây trích dịch sách Histoire du Vietnam de 1940 à 1952 của sử gia Pháp Phillippe Devillers.